

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI HÀ NỘI  
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ NẤU ĂN- NGHIỆP VỤ DU LỊCH VÀ THỜI TRANG



**CHƯƠNG TRÌNH  
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP  
NGHỀ TẠO MẪU VÀ CHĂM SÓC SẮC ĐẸP**

*(Ban hành kèm theo QĐ số            ngày    tháng    năm 2023 của  
Trường Trung cấp nghề Nấu ăn - Nghiệp vụ Du lịch và Thời trang Hà Nội)*

**Hà Nội, năm 2023**



## MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ .....	1
Tên môn học: Giáo dục chính trị.....	6
Mã môn học: MH 01 .....	6
Tên môn học: Pháp luật.....	13
Mã môn học: MH02 .....	13
Tên môn học: Giáo dục thể chất.....	19
Mã môn học: MH03 .....	19
Tên môn học: Giáo dục quốc phòng - An ninh .....	24
Mã môn học: MH04 .....	24
Tên môn học: Tin học cơ bản.....	29
Mã môn học: MH05 .....	29
Tên môn học: Tiếng Anh cơ bản.....	39
Mã số môn học: MH 06.....	39
Tên môn học: An toàn y tế trong ngành làm đẹp .....	53
Mã môn học: MH 07 .....	53
Tên môn học: Quản trị kinh doanh cơ sở làm đẹp .....	58
Mã mô đun: MH 08 .....	58
Tên môn học: Kỹ năng giao tiếp và trình bày .....	63
Mã môn học: MH 09 .....	63
Tên mô đun: Chăm sóc da cơ bản .....	68
Mã số của mô đun: MĐ 10.....	68
Tên mô đun: Kỹ thuật Trang điểm .....	76
Mã mô đun: MĐ 11 .....	76
Tên môn học: Chăm sóc và tạo mẫu tóc .....	84
Mã môn học: MH 12 .....	84
Tên mô đun: Chăm sóc và tạo mẫu móng .....	91
Mã mô đun: MĐ 13 .....	91
Tên mô đun: Nối mi thẩm mỹ .....	97
Mã mô đun: MĐ 14 .....	97
Tên mô đun: Phun thêu thẩm mỹ .....	101
Mã mô đun: MĐ 15 .....	101
Tên môn học : Thực tập tốt nghiệp .....	109
Mã môn học: MH 16 .....	109
Tên mô đun: Chăm sóc da nâng cao.....	113
Mã mô đun: MĐ 17 .....	113
Tên mô đun: Kỹ thuật trang điểm nâng cao .....	120
Mã mô đun: MĐ 18 .....	120
Tên mô đun: Massage body.....	125
Mã mô đun: MĐ 19 .....	125



## CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số            ngày tháng năm 2023  
của Trường Trung cấp Nghề Nấu ăn - NVDL và thời trang Hà Nội)

**Tên nghề: Tạo mẫu và Chăm sóc sắc đẹp**

**Mã nghề: 5810402**

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp nghề

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THCS, tốt nghiệp THPT, tốt nghiệp trung cấp trở lên, có đủ sức khỏe để học tập;

**Thời gian đào tạo:** 02 năm

### **1. Mục tiêu đào tạo:**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

- Chính trị, đạo đức:
  - + Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ;
  - + Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sông và làm việc theo hiến pháp và pháp luật ;
  - + Tự giác học tập để nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, vận dụng được các kiến thức đã học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động , sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao, lối sống trong sạch, lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc ;
  - + Yêu nghề, có tác phong và thái độ làm việc đúng đắn, phù hợp với thực tiễn ngành nghề ;
  - + Có tác phong làm việc chuyên nghiệp trong nghề tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp.
- Thể chất, quốc phòng :
  - + Có kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp ;
  - + Thực hiện được các kỹ năng cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục

thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp ;

- + Có kiến thức cơ bản trong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh ;
- + Có kỹ năng cơ bản trong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh ;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự giác trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể :**

#### **- Kiến thức:**

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: làm đẹp, tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp, vệ sinh phòng bệnh, giữ gìn và tăng cường sức khỏe;

+ Trình bày được các phương pháp chọn lựa, bảo quản mỹ phẩm phù hợp và an toàn;

+ Nhận thức được tầm quan trọng của nghệ thuật trang điểm đối với cuộc sống; phân biệt được giữa trang điểm căn bản, cô dâu, sân khấu...;

+ Trình bày rõ các kiến thức cơ bản về nhiệm vụ của phun xăm hình thẩm mỹ trên da;

+ Trình bày được đặc điểm của các loại da khô, da mềm của mặt, tay và chân; các bước vệ sinh da mặt và quy trình xoa bóp da mặt, phương pháp đắp mặt nạ dưỡng da;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về thẩm mỹ, phương pháp làm đẹp để tư vấn cho khách hàng trong việc duy trì sức khỏe, tự điều trị làm đẹp, tạo sự dẻo dai và cả sắc đẹp;

+ Liệt kê được các chuẩn mực thẩm mỹ trong cách lựa chọn trang phục;

+ Liệt kê được một số tài liệu cơ bản liên quan đến nghề Tạo mẫu và Chăm sóc sắc đẹp bằng Tiếng Anh;

+ Có khả năng tự học để nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn.

#### **- Kỹ năng:**

+ Chọn lựa được loại mỹ phẩm có chất lượng tốt và phù hợp nhu cầu sử dụng đảm bảo an toàn

+ Sử dụng được các loại dụng cụ chuyên dùng trong nghề Tạo mẫu và Chăm sóc sắc đẹp (như làm tóc đắp móng, săn sóc da....)

+ Sử dụng được các loại mỹ phẩm thích hợp cho từng loại da mặt khi chăm sóc da mặt và đắp mặt nạ dưỡng da;

+ Thực hiện được phun xăm thẩm mỹ trên da, cắt da và chăm sóc da tay, da chân đảm bảo thẩm mỹ.

+ Thực hiện được các kiểu trang điểm theo yêu cầu về thời gian, không gian và sở thích cho chính mình và khách hàng;

- + Tư vấn được cho khách hàng trong việc duy trì sức khoẻ, sự dẻo dai và chăm sóc sắc đẹp;
- + Phối hợp được các phụ kiện phù hợp với trang phục của khách hàng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện kỹ năng chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- + Không ngừng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng với yêu cầu của nghề.
- + Yêu ngành, yêu nghề; thái độ học tập tích cực; rèn luyện nỗ lực

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

- Có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp;
- Học tiếp lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

### **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

- Số lượng môn học, mô đun đào tạo bắt buộc: **16**
- Số lượng môn học, mô đun đào tạo tự chọn: **02**
- Khối lượng các môn học chung: **255 giờ**
- Khối lượng các môn học , mô đun chuyên môn bắt buộc: **1095 giờ**
- Khối lượng lý thuyết: **359 giờ**; thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1007 giờ**,

kiểm tra: **74 giờ**

### **3. Nội dung chương trình:**

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	45	21	21	3
MH 05	Tin học	3	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	6	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>35</b>	<b>1095</b>	<b>235</b>	<b>805</b>	<b>55</b>
<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>115</i>	<i>63</i>	<i>17</i>

MH 07	An toàn y tế trong ngành làm đẹp	2	30	22	5	3
MH 08	Quản trị kinh doanh cơ sở làm đẹp	2	30	27		3
MH 09	Kỹ năng giao tiếp và trình bày	3	45	36	5	4
MĐ10	Chăm sóc da cơ bản	3	90	30	53	7
<b>II.2</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</b>	<b>25</b>	<b>900</b>	<b>120</b>	<b>742</b>	<b>38</b>
MĐ 11	Kỹ thuật trang điểm	4	135	20	111	4
MĐ 12	Chăm sóc và tạo mẫu tóc	4	135	20	110	5
MĐ 13	Chăm sóc và tạo mẫu móng	4	135	20	109	6
MĐ 14	Nối mi thẩm mỹ	5	150	20	122	8
MĐ 15	Phun thêu thẩm mỹ	3	105	20	80	5
MĐ 16	Thực tập cơ sở	5	240	20	210	10
<b>III</b>	<b>Các môn học, mô đun tự chọn (chọn 2 mô đun, môn học)</b>	<b>3</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>54</b>	<b>6</b>
MĐ 17	Chăm sóc da nâng cao	1	45	15	27	3
MĐ 18	Kỹ thuật trang điểm nâng cao	1	45	15	27	3
MĐ 19	Masage body	1	45	15	27	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>55</b>	<b>1440</b>	<b>359</b>	<b>1007</b>	<b>74</b>

(có nội dung chi tiết kèm theo)

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

**4.1. Các môn học chung:** bắt buộc do Bộ Lao động thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/Ngành tổ chức xây dựng để áp dụng thực hiện.

**4.2. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:**

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (1 buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể.	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật.
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần.



#### **4.3. Tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:**

Thời gian tổ chức và kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định trong nội dung chi tiết của từng môn học và mô đun trong chương trình.

#### **4.4. Thi tốt nghiệp:**

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp;

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm:

<b>TT</b>	<b>Môn thi</b>	<b>Hình thức thi</b>	<b>Thời gian thi</b>
1	Lý thuyết nghề	Thi viết	Không quá 90 phút
2	Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Giáo dục chính trị**

**Mã môn học: MH 01**

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thảo luận: 13 giờ; kiểm tra: 02 giờ).

### **I. Vị trí, tính chất của môn học**

#### **1. Vị trí**

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

#### **2. Tính chất**

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

### **II. Mục tiêu môn học**

Kiến thức:

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

Kỹ năng:

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

### **III. Nội dung môn học**

#### **1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian**

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	3	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
7	Kiểm tra	2			2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>13</b>	<b>02</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **BÀI MỞ ĐẦU**

#### Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

#### Nội dung

1. Vị trí, tính chất môn học
2. Mục tiêu của môn học
3. Nội dung chính
4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

#### **Bài 1:**

### **KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN**

#### Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;

- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

Nội dung

- 1.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin
- 1.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin
  - 1.2.1. Triết học Mác - Lênin
  - 1.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin
  - 1.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
- 1.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

## **Bài 2:**

### **KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

Nội dung

- 2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh
- 2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh
- 2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam
- 2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay
  - 2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
  - 2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

## **Bài 3:**

### **NHỮNG THÀNH LỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG**

Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

Nội dung

3.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

3.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

3.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

3.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

3.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

3.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

#### **Bài 4:**

### **PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM**

Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;

- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

Nội dung

4.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

4.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

4.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

4.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

#### **Bài 5:**

### **TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT**

Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;

- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

## Nội dung

### 5.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

#### 5.1.1. Người công dân tốt

#### 5.1.2. Người lao động tốt

### 5.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

#### 5.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

#### 5.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;

- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

## **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

## **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

## **VII. Một số hướng dẫn khác**

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thi điểm giảng dạy trực tuyến môn học này. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **Tài liệu tham khảo**

[1]. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

[2]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

[3]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

[4]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

[5]. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

[6]. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

[7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

[8]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

[9]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[10]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[11]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[12]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

[13]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

[14]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[15]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[16]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[17]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[18]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

[19]. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

[20]. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Các tài liệu liên quan khác./.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Pháp luật**

**Mã môn học: MH02**

**Thời gian thực hiện môn học:** 15 giờ (lý thuyết: 9 giờ; thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của môn học**

#### **1. Vị trí**

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

#### **2. Tính chất**

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

### **II. Mục tiêu môn học**

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

#### **1. Về kiến thức**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

#### **2. Về kỹ năng**

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

#### **3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

### **III. Nội dung môn học**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	7	5	2	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
6	Kiểm tra	1			1
	<b>Cộng</b>	<b>15</b>	<b>9</b>	<b>5</b>	<b>1</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1:

#### MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

##### Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

##### Nội dung

#### 1.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

##### 1.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

##### 1.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

##### 1.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

#### 1.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

##### 1.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

##### 1.2.1.1. Quy phạm pháp luật

##### 1.2.1.2. Chế định pháp luật

##### 1.2.1.3. Ngành luật

##### 1.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

##### 1.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

##### 1.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

##### 1.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

## **Bài 2:**

### **HIẾN PHÁP**

#### Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

#### Nội dung

- 2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
  - 2.1.1. Khái niệm hiến pháp
  - 2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
  - 2.2.1. Chế độ chính trị
  - 2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
  - 2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

## **Bài 3:**

### **PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG**

#### Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

#### Nội dung

- 3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động
- 3.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động
- 3.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động
  - 3.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động
  - 3.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động
  - 3.3.3. Hợp đồng lao động
  - 3.3.4. Tiền lương
  - 3.3.5. Bảo hiểm xã hội
  - 3.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
  - 3.3.7. Kỷ luật lao động
  - 3.3.8. Tranh chấp lao động
  - 3.3.9. Công đoàn

## **Bài 4:**

### **PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Nội dung

- 4.1. Khái niệm tham nhũng
- 4.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 4.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 4.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 4.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

## **Bài 5:**

### **PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Nội dung

- 5.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 5.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

## **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

## **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

### **Tài liệu tham khảo**

- [1]. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- [2]. Bộ Luật lao động, 2012.
- [3]. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
- [4]. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
- [5]. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- [6]. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
- [7]. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
- [8]. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
- [9]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm.
- [10]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật* (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- [11]. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật (2016), *Giáo trình Luật Lao động*.
- [12]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Lý luận chung về*

*Nhà nước và Pháp luật*, Nhà Xuất bản Tư pháp.

[13]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nhà Xuất bản Công an nhân dân.

[14]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật Lao động Việt Nam*, Nhà Xuất bản Công an nhân dân.

[15]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật*, Nhà Xuất bản Tư pháp.

[16]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*.

[17]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Giáo dục thể chất**

**Mã môn học: MH03**

**Thời gian môn học: 30 giờ** (Lý thuyết: 3 giờ; Thực hành: 24 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Giáo dục thể chất là môn học thuộc nhóm kiến thức các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về các bộ môn thể thao. Thông qua các môn thể thao trên, môn học hướng tới giúp người học có nền tảng và khả năng tự rèn luyện thân thể, hình thành lối sống lành mạnh phục vụ học tập ở hiện tại và làm việc trong tương lai, tích cực tham gia các hoạt động thể dục, thể thao tại cơ sở.

- Tính chất: Môn học Giáo dục thể chất là môn học bắt buộc thuộc chương trình đào tạo trình độ trung cấp do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định, được đánh giá kết quả bằng hình thức kiểm tra hết môn.

### II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức, kỹ năng: Nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản về thể dục thể thao (TDTT), biết cách áp dụng vào việc tăng cường và bảo vệ sức khỏe.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành được các phẩm chất về ý chí, nhân cách, đạo đức, tinh thần tập thể.

### III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên bài	CT	Nội dung
1	<b>Thể dục nhịp điệu (nữ); Thể dục phát triển chung (nam) (TD)</b>	Học	- Giới thiệu mục tiêu, nội dung chương trình thể dục lớp 12 - Động tác 1-2 (nữ); Động tác 1-5 (nam)
	<b>Chạy tiếp sức</b>	Ôn	- Một số động tác hỗ trợ: chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau, chạy tăng tốc - Trao-nhận tín gậy tại chỗ và di chuyển (đi bộ chậm, đi bộ nhanh) theo nhóm 2 người (số 1-2; số 2-3; số 3-4)
2	<b>Bài TD</b>	Ôn Học	Động tác 1-2 (nữ); Động tác 1-5 (nam) Động tác 3 (nữ); Động tác 6-10 (nam)
	<b>Chạy tiếp sức</b>	Ôn	Trao-nhận tín gậy tại chỗ, di chuyển chậm theo nhóm hai người (số 1-2; số 2-3; số 3-4)

<b>TT</b>	<b>Tên bài</b>	<b>CT</b>	<b>Nội dung</b>
3	<b>Bài TD</b>	Ôn Học	Động tác 2-3 (nữ); Động tác 1-10 (nam) Động tác 4 (nữ); Động tác 11-18 (nam)
	<b>Chạy tiếp sức</b>	Ôn	- Trao-nhận tín gậy tại chỗ, với tốc độ chậm và chạy theo nhóm hai người (số 1-2; số 2-3; số 3-4) - Chạy lặp lại 30m tốc độ cao
4	<b>Bài TD</b>	Ôn Học	Động tác 2-4 (nữ); Động tác 1-18 (nam) Động tác 19-27 (nam)
	<b>Chạy tiếp sức</b>	Ôn	- Trao-nhận tín gậy với tốc độ chậm và chạy theo nhóm 3 người (số 1-2-3; số 2-3-4) số 1 xuất phát với tín gậy - Chạy lặp lại 30m tốc độ cao
5	<b>Bài TD</b>	Ôn Học	Động tác 2-4 (nữ); Động tác 1-27 (nam) Động tác 5 (nữ)
	<b>Chạy tiếp sức</b>	Ôn	- Hoàn thiện kỹ thuật trao-nhận tín gậy (bài tập 2 phối hợp 2 người) - Chạy lặp lại 30m tốc độ cao
6	<b>TD</b>	Ôn Học	Động tác 1-5 (nữ) Động tác 28-37 (nam)
	<b>Chạy tiếp sức</b>	Ôn	Như nội dung tiết 5
7	<b>Bài TD</b>	Ôn Học	Động tác 2-5 (nữ) hoặc do GV chọn; Động tác 1-37 (nam) Động tác 6-7 (nữ)
		Ôn	- Hoàn thiện kỹ thuật trao-nhận tín gậy (bài tập 2, phối hợp 3 người) - Chạy lặp lại 30m tốc độ cao
8	<b>Bài TD</b>	Ôn Học	Động tác 2-7 (nữ) Động tác 38-45 (nam)
	<b>Chạy tiếp sức</b>	Ôn	Như nội dung tiết 7
9	<b>Bài TD</b>	Ôn Học	Động tác 2-7 (nữ) hoặc do GV chọn; Động tác 1-45 (nam) Động tác 8 (nữ)
	<b>Chạy tiếp sức</b>	Ôn	- Hoàn thiện kỹ thuật trao-nhận tín gậy (bài tập 3)
10	<b>Bài TD</b>	Ôn Học	Động tác 2-8 (nữ); Động tác 1-45 (nam) Động tác 46-50 (nam)
	<b>Chạy tiếp sức</b>	Ôn	Nội dung như tiết 9, hoặc do GV chọn
<b>11</b>	<b>Lí thuyết</b>	Học	Khái niệm và ý nghĩa của việc luyện tập sức mạnh
12 13			<b>Ôn tập và kiểm tra Chạy tiếp sức</b>
14 15			<b>Ôn tập và kiểm tra Bài thể dục</b>



<b>TT</b>	<b>Tên bài</b>	<b>CT</b>	<b>Nội dung</b>
16	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	- Như nội dung như tiết 14, hoặc do GV chọn - Tập hoàn chỉnh kĩ thuật nhảy xa kiểu “Uỡn thân”
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
17	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	- Như nội dung tiết 16 - Một số bài tập, trò chơi phát triển thể lực (do GV chọn)
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
18	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	- Tập hoàn chỉnh kĩ thuật nhảy xa kiểu “Uỡn thân” - Một số bài tập, trò chơi phát triển thể lực (do GV chọn)
	<b>(TTTC)</b>	Học	Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
19	<b>Nhảy xa</b>	Ôn Học	Như nội dung tiết 18 Giới thiệu Luật thi đấu (phần nhảy xa)
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
20	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	Tập hoàn chỉnh kĩ thuật và nâng cao thành tích
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
21	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	- Một số bài tập, trò chơi phát triển thể lực (do GV chọn) - Tập hoàn chỉnh kĩ thuật và nâng cao thành tích
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
22	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	Tập hoàn chỉnh kĩ thuật và nâng cao thành tích
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
23	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	- Một số bài tập, trò chơi phát triển thể lực (do GV chọn) - Tập hoàn chỉnh kĩ thuật và nâng cao thành tích
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
24	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	Tập hoàn chỉnh kĩ thuật và nâng cao thành tích
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
25	<b>Nhảy xa</b>		Tập hoàn chỉnh kĩ thuật và nâng cao thành tích
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
26	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	Tập hoàn chỉnh kĩ thuật và nâng cao thành tích
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
27	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	Như nội dung tiết 26 hoặc do GV chọn
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
28	<b>Nhảy xa</b>	Ôn	Như nội dung tiết 26 hoặc kiểm tra thử (do GV chọn)
	<b>(TTTC)</b>		Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV
29 30			<b>Ôn tập và kiểm tra</b>

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa: Sân bãi có diện tích rộng
2. Dụng cụ: Dây,..

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### 1. Nội dung:

- Kiến thức, kỹ năng:

+ Thực hiện động tác đệm bóng thấp tay và chuyền bóng cao tay trước mặt phối hợp 2 động tác;

+ Căn cứ tính điểm cụ thể: theo văn bản quy định chung của Nhà trường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành được các phẩm chất về ý chí, nhân cách, đạo đức, tinh thần tập thể.

##### 2. Phương pháp:

- Kiểm tra định kỳ: Hệ số 2; Số lượng 01 bài; Hình thức: Kiểm tra thực hành; Thời gian 135 phút/bài/lớp.

- Kiểm tra kết thúc môn học: Hệ số 3; Số lượng 01 bài; Hình thức: Kiểm tra thực hành; Thời gian 135 phút/lớp. Đối với các trường hợp có tình trạng sức khỏe đặc biệt theo quy định tại mục 10 của Chương trình này, đã được Nhà trường cho phép, sẽ áp dụng hình thức kiểm tra vấn đáp.

- Lịch kiểm tra do Khoa và Bộ môn bố trí trên cơ sở kết thúc học phần

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

1. Phạm vi áp dụng môn học: chương trình này áp dụng cho học sinh học hệ Trung cấp các nghề đào tạo của nhà trường.

##### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Bằng cấp: có trình độ từ cử nhân trở lên, phù hợp cấp độ đào tạo.

+ Trình độ sư phạm và chuyên môn: Có trình độ sư phạm và chuyên môn về giáo dục thể chất theo quy định.

+ Thường xuyên rèn luyện ngoại khoá, nâng trình độ và sức khoẻ.

+ Mặc trang phục TDTT và có dụng cụ thể thao phù hợp.

- Đối với người học:

+ Tham dự các buổi học theo kế hoạch của Nhà trường.

+ Dự đủ số bài kiểm tra theo quy định tại mục 12 của chương trình môn học.

+ Tham gia tích cực các hoạt động học tập theo hướng dẫn của giáo viên.

+ Có đủ tài liệu học tập phù hợp.

+ Mặc trang phục theo qui định của Trường.

+ Việc xét miễn học môn GDTC hoặc giảm học thực hành đối với từng học sinh do Hiệu trưởng nhà trường quyết định trên cơ sở có giấy xác nhận về tình trạng sức khỏe của học sinh do bệnh viện tương đương cấp huyện trở lên cấp.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Cả chương trình

4. Tài liệu tham khảo:

- Nhiều tác giả (1998), *Hướng dẫn sử dụng luật bóng chuyền*, NXB Giáo dục.
- Mai Văn Muôn (1994), *Thể thao trường học*, NXB Thể dục thể thao.
- Nhiều tác giả (1994), *Lịch sử thể dục thể thao*, NXB Thể dục thể thao.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Giáo dục quốc phòng - An ninh**

**Mã môn học: MH04**

**Thời gian môn học: 45 giờ;** (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 13 giờ;  
Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của môn học**

- Vị trí:

+ Giáo dục quốc phòng - an ninh là môn học thuộc nhóm kiến thức môn học chung bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

+ Học phần trang bị cho học sinh những kiến thức cần thiết về quốc phòng - an ninh, một số nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm những nội dung chủ yếu về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thành thạo đội ngũ từng người không có súng, các kỹ năng quân sự cần thiết, biết vận dụng vào phòng vệ các nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

- Tính chất: Môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh là môn học bắt buộc thuộc chương trình đào tạo trình độ trung cấp do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định, được đánh giá kết quả bằng hình thức kiểm tra hết môn.

### **II. Mục tiêu môn học**

- Về kiến thức: Nắm được các kiến thức về kỹ năng quân sự cần thiết làm cơ sở để học sinh thực hiện nhiệm vụ quân sự trong Nhà trường, vận dụng nghề nghiệp chuyên môn phục vụ Quốc phòng; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

- Kỹ năng: Hình thành được lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng ý thức bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Năng lực tử chủ và trách nhiệm: Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần yêu nước, yêu CNXH; rèn luyện tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên Bài	Tiết	Nội dung
1	Đội ngũ đơn vị	1	Đội ngũ tiểu đội
		2	Đội ngũ trung đội
2	Một số hiểu biết về nền QPTD - ANND	3	Tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ QP-AN trong thời kỳ mới
		4	Nội dung, biện pháp xây dựng nền QPTD-ANND: Đặc điểm, mục đích, nhiệm vụ
		5	Nội dung, biện pháp xây dựng nền QPTD-ANND: Xây dựng tiềm lực chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ
		6	Nội dung, biện pháp xây dựng nền QPTD-ANND - Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh - Xây dựng thể trận QPTD-ANND
		7	Những biện pháp chủ yếu xây dựng nền QPTD-ANND. Trách nhiệm của học sinh trong xây dựng nền QPTD-ANND
3	Tổ chức Quân đội và Công an nhân dân	8	Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam (mục 1, 2a, 2b, 2c, 2d, mục 3 SGK)
		9	Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam (mục 2e, 2g, 2h, 2i, mục 3 SGK)
		10	Tổ chức Công an nhân dân Việt Nam
4	Nhà trường, Quân đội, Công an và tuyển sinh đào tạo	11	Nhà trường Quân đội và tuyển sinh đào tạo
		12	Nhà trường Công an và tuyển sinh đào tạo
	Kiểm tra	13	<b>Kiểm tra 1 tiết</b>
5	Giới thiệu Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam Luật Công an nhân dân	14	Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (mục 1, 2 SGK)
		15	Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (mục 3, 4 SGK)
		16	Luật Công an nhân dân Việt Nam
		17	Trách nhiệm của HS tham gia xây dựng đội ngũ sĩ quan Quân đội, Công an
6	Các tư thế, động tác cơ	18	Ý nghĩa, yêu cầu, động tác đi khom, chạy khom
		19	Động tác bò, lê, luyện tập

<b>TT</b>	<b>Tên Bài</b>	<b>Tiết</b>	<b>Nội dung</b>
	<b>bản vận động trên chiến trường</b>	20	Động tác trườn, vọt tiến. dừng lại, luyện tập
		21	Luyện tập
		22	Luyện tập – Hội thao
		23	Luyện tập – Hội thao
<b>7</b>	<b>Lợi dụng địa hình địa vật</b>	24	Những vấn đề chung về địa hình, địa vật
		25	Cách lợi dụng địa hình, địa vật
<b>8</b>	<b>Công tác phòng không nhân dân</b>	26	Sự hình thành và phát triển công tác phòng không nhân dân
		27	Một số vấn đề cơ bản về công tác phòng không nhân dân trong tình hình mới (mục 1, 2, 3, 4a SGK)
		28	Một số vấn đề cơ bản về công tác phòng không nhân dân trong tình hình mới (4b, 4c, 4d, 4e mục 5 SGK)
		29 + 30	<b>Kiểm tra</b>

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy projector,...
2. Học liệu, dụng cụ: Phấn, bảng, súng, lựu đạn, còi, cờ hiệu...
3. Các điều kiện khác: Đảm bảo đầy đủ vũ khí, khí tài, thao trường, quân trang.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### 1. Nội dung:

- Kiến thức: Các nội dung về xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên; đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Các nội dung về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; nội dung xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia.

- Kỹ năng: Một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## 2. Phương pháp:

- Kiểm tra định kỳ: 01 bài (hệ số 2). Hình thức: kiểm tra thực hành, thời gian 120 phút.

- Kiểm tra kết thúc môn học: 01 bài (hệ số 3). Hình thức: kiểm tra lý thuyết, thời gian 60 phút.

## VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình này áp dụng cho học sinh học trình độ Trung cấp các nghề đào tạo của nhà trường.

### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Bằng cấp tốt nghiệp đại học

+ Trình độ sư phạm: Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm

+ Kinh nghiệm: Cán bộ quản lý cấp Đại đội trở lên.

- Đối với người học:

+ Dự giờ theo quy chế, mặc đồng phục theo quy định.

+ Dự đủ thời lượng lý thuyết, thực hành theo quy định môn học giáo dục quốc phòng-an ninh.

+ Đọc giáo trình, tài liệu và tự học trước khi đến lớp.

+ Tham gia tích cực các hoạt động học tập trên lớp, ở nhà và thực hành trên sân tập (bãi tập) theo hướng dẫn của giáo viên.

+ Có đủ tài liệu học tập theo giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh (dùng cho học sinh, sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng).

+ Chấp hành nghiêm các quy định khi tham gia học và kiểm tra, thi môn học.

### 3. Những trọng tâm cần chú ý: Cả chương trình

### 4. Tài liệu tham khảo:

- *Giáo trình Giáo dục quốc phòng*, tập 1+2 Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2009, 2010, 2011, 2012.

Ban hành kèm theo Quyết định số:81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 27/2007/QĐ-BLĐT BXH ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Quyết định số 40/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quyết định số: 80/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quyết định số 27/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).
- Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Tin học cơ bản

**Mã môn học:** MH05

**Thời gian thực hiện:** 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học

#### 1. Vị trí

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

#### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

### II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

#### 1. Về kiến thức

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

#### 2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	4	3	1	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	4	2	2	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	15	3	12	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	9	3	6	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	8	2	6	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	4	2	2	
7	Kiểm tra	1			1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>29</b>	<b>1</b>

#### 2. Nội dung chi tiết

#### **Chương 1: HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

##### Mục tiêu

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

##### Nội dung

#### 1.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

##### 1.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

##### 1.1.1.1. Thông tin

##### 1.1.1.2. Dữ liệu

##### 1.1.1.3. Xử lý thông tin

#### 1.1.2. Phần cứng

- 1.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm
- 1.1.2.2. Thiết bị nhập
- 1.1.2.3. Thiết bị xuất
- 1.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ
- 1.2. Phần mềm
  - 1.2.1. Phần mềm hệ thống
  - 1.2.2. Phần mềm ứng dụng
  - 1.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng
  - 1.2.4. Phần mềm nguồn mở
- 1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính
  - 1.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính
  - 1.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

## **Chương 2: SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN**

### Mục tiêu

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

### Nội dung

- 2.1. Làm việc với hệ điều hành
  - 2.1.1. Windows là gì?
  - 2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows
  - 2.1.3. Desktop
  - 2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
  - 2.1.5. Menu Start
  - 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
  - 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
  - 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
  - 2.1.9. Sử dụng chuột
- 2.2. Quản lý thư mục và tập tin
  - 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
  - 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
  - 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
  - 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
  - 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

- 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục
- 2.3. Một số phần mềm tiện ích
  - 2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
  - 2.3.2. Phần mềm diệt virus
- 2.4. Sử dụng tiếng Việt
  - 2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt
  - 2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt
  - 2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt
- 2.5. Sử dụng máy in
  - 2.5.1. Lựa chọn máy in
  - 2.5.2. In

### **Chương 3: XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN**

Mục tiêu

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

Nội dung

- 3.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản
  - 3.1.1. Khái niệm văn bản
  - 3.1.2. Khái niệm xử lý văn bản
- 3.2. Sử dụng Microsoft Word
  - 3.2.1. Giới thiệu Microsoft Word
    - 3.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word
    - 3.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word
  - 3.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
    - 3.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn
    - 3.2.2.2. Tạo một tập tin mới
    - 3.2.2.3. Lưu tập tin
    - 3.2.2.4. Đóng tập tin
  - 3.2.3. Định dạng văn bản
    - 3.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
    - 3.2.3.2. Định dạng đoạn văn
      - 3.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
      - 3.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
      - 3.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

- 3.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
- 3.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
- 3.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
  - 3.2.3.4.1. Bảng (Table)
  - 3.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
  - 3.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
  - 3.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
  - 3.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
- 3.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
- 3.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 3.2.4. In văn bản

## **Chương 4: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN**

Mục tiêu

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

Nội dung

- 4.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)
  - 4.2.1. Khái niệm bảng tính
  - 4.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường
- 4.2. Sử dụng Microsoft Excel
  - 4.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
    - 4.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
    - 4.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
  - 4.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
    - 4.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
    - 4.2.2.2. Lưu bảng tính
    - 4.2.2.3. Đóng bảng tính
- 4.3. Thao tác với ô
  - 4.3.1. Các kiểu dữ liệu
  - 4.3.2. Cách nhập dữ liệu
  - 4.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu
    - 4.3.3.1. Xóa dữ liệu
    - 4.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

- 4.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)
  - 4.4.1. Dòng và cột
    - 4.4.1.1. Thêm dòng và cột
    - 4.4.1.2. Xoá dòng và cột
    - 4.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột
  - 4.4.2. Trang tính
    - 4.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính
    - 4.4.2.2. Thay đổi tên trang tính
    - 4.4.2.3. Mở nhiều trang tính
    - 4.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính
- 4.5. Biểu thức và hàm
  - 4.5.1. Biểu thức số học
    - 4.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học
    - 4.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản
    - 4.5.1.3. Các lỗi thường gặp
  - 4.5.2. Hàm
    - 4.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
    - 4.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >
    - 4.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)
    - 4.5.2.4. Hàm điều kiện IF
    - 4.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)
    - 4.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)
- 4.6. Định dạng ô, dãy ô
  - 4.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ
  - 4.6.2. Định dạng văn bản
  - 4.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền
- 4.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính
  - 4.7.1. Trình bày trang tính để in
  - 4.7.2. Kiểm tra và in
  - 4.7.3. Phân phối trang tính

## **Chương 5: SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN**

Mục tiêu

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

Nội dung

5.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

5.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

5.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

5.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

5.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

5.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

5.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

5.2.1.3. Các thao tác trên slide

5.2.1.4. Chèn Picture

5.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

5.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

5.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

5.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

5.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

5.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

5.2.2.4. Lặp lại trình diễn

5.2.2.5. In bài thuyết trình

## **Chương 6: SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN**

Mục tiêu

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;

- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.

- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

Nội dung

6.1. Kiến thức cơ bản về Internet

6.1.1. Tổng quan về Internet

6.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

6.2. Khai thác và sử dụng Internet

6.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

6.2.3. Thư điện tử (Email)

6.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)

6.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

6.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

6.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

6.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

6.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

6.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy).

Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

#### **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

#### **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**



Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

[2]. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

[3]. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

[4]. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

[5]. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

[6]. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga (2015), *Giáo trình Tin học Đại cương*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[7]. Huyền Trang (2014), *Sử dụng Internet an toàn*, NXB Phụ nữ.

[8]. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiền (2016), *Giáo trình thực hành Microsoft Word*, NXB Thanh Niên.

[9]. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến (2017), *Giáo trình thực hành Excel*, NXB Thanh Niên.

[10]. Joan Lambert and Curtis Frye (2015), *Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition*, Microsoft.

[11]. Peter Weverka (2016), *Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition*, John Wiley & Sons.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Tiếng Anh cơ bản**

**Mã số môn học: MH 06**

**Thời gian thực hiện môn học:** 90 giờ, (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, bài tập, ôn tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của môn học:**

- Vị trí: Môn học Tiếng Anh cơ bản là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề.

- Tính chất:

Chương trình môn học Tiếng Anh cơ bản bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

### **II. Mục tiêu môn học:**

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể

- Về kiến thức:

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

- Về kỹ năng:

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm và rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động hàng ngày.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và trả lời các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích; đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về các hoạt động hàng ngày.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống và các sở thích.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

+ Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends) Từ vựng (Vocabulary) Ngữ pháp (Grammar) Kỹ năng nghe (Listening) Kỹ năng nói (Speaking) Kỹ năng đọc (Reading) Kỹ năng viết (Writing)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time) Từ vựng (Vocabulary) Ngữ pháp (Grammar) Kỹ năng nghe (Listening) Kỹ năng nói (Speaking) Kỹ năng đọc (Reading) Kỹ năng viết (Writing)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places) Từ vựng (Vocabulary) Ngữ pháp (Grammar) Kỹ năng nghe (Listening) Kỹ năng nói (Speaking) Kỹ năng đọc (Reading) Kỹ năng viết (Writing)	9	3	6	

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink) Từ vựng (Vocabulary) Ngữ pháp (Grammar) Kỹ năng nghe (Listening) Kỹ năng nói (Speaking) Kỹ năng đọc (Reading) Kỹ năng viết (Writing)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions) Từ vựng (Vocabulary) Ngữ pháp (Grammar) Kỹ năng nghe (Listening) Kỹ năng nói (Speaking) Kỹ năng đọc (Reading) Kỹ năng viết (Writing)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation) Từ vựng (Vocabulary) Ngữ pháp (Grammar) Kỹ năng nghe (Listening) Kỹ năng nói (Speaking) Kỹ năng đọc (Reading) Kỹ năng viết (Writing)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities) Từ vựng (Vocabulary) Ngữ pháp (Grammar) Kỹ năng nghe (Listening) Kỹ năng nói (Speaking) Kỹ năng đọc (Reading) Kỹ năng viết (Writing)	9	3	6	

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests) Từ vựng (Vocabulary) Ngữ pháp (Grammar) Kỹ năng nghe (Listening) Kỹ năng nói (Speaking) Kỹ năng đọc (Reading) Kỹ năng viết (Writing)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
	<b>Cộng</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>56</b>	<b>4</b>

2. Nội dung chi tiết:

### **Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)**

(Thời gian: 9 giờ)

#### **1. Mục tiêu**

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

#### **2. Nội dung**

##### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

##### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

##### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

## **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

## **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

## **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 2. THỜI GIAN Rảnh Rỗi (LEISURE TIME)**

(Thời gian: 9 giờ)

### **1. Mục tiêu**

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

## **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)**

### **1. Mục tiêu**

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;

- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

- Hỏi đường và chỉ đường;

- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;

- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

#### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).



## **Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)**

### **1. Mục tiêu**

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

Các loại thực phẩm và đồ uống.

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

#### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

## **BÀI ÔN TẬP 1 VÀ KIỂM TRA**

(Thời gian: 9 giờ)

## **Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

- 2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;
- 2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;
- 2.1.3. Quần áo và màu sắc.

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

- 2.2.1. Thì hiện tại đơn;
- 2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- 2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;
- 2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

- 2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

- 2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Thảo luận.

#### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 6. KỠ NGHỈ (VACATION)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

#### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

- 2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.2. To infinitive and Gerund.

### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

- 2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

- 2.5.1. Bài đọc: A letter;
- 2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play, go* và *do*;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

- 2.1.1. Sở thích;
- 2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

## **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

## **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

## **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

## **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

## **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

# **BÀI TỔNG ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA**

(Thời gian: 9 giờ)

A. Put the words in the correct order to make sentences in Present continuous.

B. Make the sentences in exercise A negative.

C. Complete the questions using the Present continuous form of the verbs in brackets. Then write true answers.

D. Complete the email. Use the Present continuous form (affirmative, negative or interrogative) of the verbs in brackets.

E. Complete the email. Use the Present simple or Present continuous forms of the verbs in brackets.

F. Complete the sentences with the correct form of the verbs in brackets. Use the Present simple in one gap and the Present continuous in the other.

G. Complete the sentences with the verbs below. Use the affirmative or negative form of the Present simple or the Present continuous.

H. There are mistakes in five of these sentences. Find the mistakes and write the five sentences correctly.

K. Underline one mistake in each sentence. Write the sentences correctly.

\* Kiểm tra

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng; Bàn ghế cho học sinh và giáo viên; Bảng, phấn
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, hệ thống âm thanh
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

## **V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:**

### 1. Nội dung:

#### - Về kiến thức:

Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình

#### - Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

+ Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

+ Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

+ Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

### 2. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra định kỳ: Kỹ năng nghe, nói, đọc viết.

- Kiểm tra kết thúc môn học (hình thức kiểm tra; viết và vấn đáp; thời gian từ 90 phút đến 120 phút

- Thang điểm 10

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học tiếng Anh cơ bản là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp.
2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học
  - a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh  
Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Phương pháp giảng dạy:*

+ Thuyết trình, giảng giải, làm mẫu.

+ Nêu vấn đề, giao bài tập nhóm cho các sinh hoạt ngoại khoá và sưu tầm tư liệu.

+ Trong quá trình giảng dạy, giao bài tập nhóm, đóng vai... giáo viên cần lưu ý riêng cho từng đối tượng người học cho các chuyên ngành.

- *Đối với giáo viên:*

+ Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học, lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- *Đối với người học:* Quan sát, hoạt động nhóm, phát âm, đóng vai theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- *Đối với người học:*

+ Dự các buổi học theo kế hoạch của Nhà trường;

+ Dự đủ số bài kiểm tra định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học

+ Tham gia tích cực các hoạt động học tập theo hướng dẫn của giáo viên

+ Có đầy đủ tài liệu học tập

+ Hoàn thành các bài tập.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý: Học sinh là đối tượng học nghề trong ngành nhà hàng, khách sạn do vậy kỹ năng nghe và nói được luyện tập là chủ yếu trong quá trình thực hiện môn học này nhằm tạo phản xạ giao tiếp tốt với khách hàng sau này..

#### 4. Tài liệu cần tham khảo:

- 1) Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam.
- 2) Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- 3) Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.
- 4) Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
- 5) Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
- 6) Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
- 7) Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
- 8) Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** An toàn y tế trong ngành làm đẹp

**Mã môn học:** MH 07

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ; (Lý thuyết: 22 giờ; Thực hành: 5 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học An toàn y tế trong ngành làm đẹp là nghiên cứu các bệnh lây truyền để có thể phòng tránh lây nhiễm khi thực hiện các phương pháp phun xăm hay chăm sóc trên cơ thể;

- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành thuộc môn học tạo bắt buộc.

### II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về An toàn y tế trong ngành làm đẹp.

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ;

+ Trang bị cho sinh viên những kiến thức về: tầm quan trọng của công tác kiểm soát nhiễm khuẩn

- Kỹ năng:

+ Vận dụng kiến thức trong môn học để phân tích tình hình dịch tễ học;

+ Phân tích được đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe;

+ Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch bệnh

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, tự giác trong học tập.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Giới thiệu về an toàn y tế	1	1		
2	Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa	3	2	1	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
3	Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm	17	15	2	
4	Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp	6	4	2	
5	Kiểm tra	3			3
<b>Cộng</b>		<b>30</b>	<b>22</b>	<b>5</b>	<b>3</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài mở đầu: Giới thiệu về an toàn y tế**

Thời gian: 1 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Nắm được khái niệm, vai trò và phương pháp tiếp cận an toàn y tế trong chăm sóc sắc đẹp

#### *Nội dung chương trình:*

- 1.1 Khái niệm về an toàn y tế
- 1.2. Phương pháp tiếp cận an toàn y tế
- 1.3 Vai trò của an toàn y tế trong môn học chăm sóc sắc đẹp

### **Chương 1: Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa**

Thời gian: 3 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Trình bày được các đường lây truyền bệnh.
- Áp dụng được các biện pháp phòng ngừa chuẩn.
- Sử dụng đúng các phương tiện phòng hộ.
- Nêu được các nguyên tắc chung của cách ly phòng ngừa.

#### *Nội dung chương:*

- 1.1. Các đường lây truyền:
- 1.2. Phòng ngừa dựa trên đường lây truyền.
- 1.3. Phòng ngừa chuẩn.
- 1.4. Sử dụng biện pháp phòng hộ cá nhân.
- 1.5. Khi vào phòng cách ly.
- 1.6. Khi rời phòng cách ly.

### **Chương 2: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm**

Thời gian: 17 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Nắm được các bệnh, tác nhân gây bệnh lây truyền và cách phòng tránh các bệnh do vi khuẩn và vi rút gây ra

- Nắm được nguyên nhân dịch tễ học, quá trình lây truyền và phương pháp phòng bệnh lây truyền qua đường tiêu hóa.

- Nắm được nguyên nhân dịch tễ học, quá trình lây truyền và phương pháp phòng bệnh lây truyền qua đường máu.

- Nắm được nguyên nhân dịch tễ học, quá trình lây truyền và phương pháp phòng bệnh lây truyền qua đường da và niêm mạc.

*Nội dung chương:*

2.1 Tác nhân gây bệnh

2.1.2. Các bệnh lây truyền do vi khuẩn

2.1.3. Các bệnh lây truyền do virus

2.1.4 .Quá trình lây truyền

2.1.5. Cách phòng bệnh

2.2. Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa

2.2.1. Nguyên nhân dịch tễ học các bệnh lây truyền đường tiêu hóa

2.2.2. Dịch tễ học các bệnh lây truyền đường tiêu hóa

2.2.3 Quá trình lây truyền

2.2.4. Phương pháp phòng bệnh

2.3. Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu

2.3.1 Nguyên nhân dịch tễ học các bệnh lây truyền đường máu

2.3.2 Dịch tễ học các bệnh lây truyền đường máu

2.3.3 Quá trình lây truyền

2.3.4 Phương pháp phòng bệnh

2.3.4. Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc

2.4.1. Nguyên nhân dịch tễ học các bệnh lây truyền đường da và niêm mạc

2.4.2. Dịch tễ học các bệnh lây truyền đường da và niêm mạc

2.4.3 Quá trình lây truyền

2.4.4 Cách phát hiện bệnh trên da và niêm mạc

2.4.5 Phương pháp phòng bệnh

### **Chương 3: Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp**

Thời gian: 6 giờ

*Mục tiêu:*

- Kể được các tác nhân gây bệnh, đường lây truyền và yếu tố nguy cơ đưa đến nhiễm khuẩn;

- Áp dụng được các biện pháp thực hành để phòng ngừa các bệnh nhiễm trùng thường gặp.

*Nội dung chương:*

3.1. Viêm phổi bệnh viện.

3.2. Phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ.

3.3. Phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết liên quan đến Catheter.

### 3.4. Phòng nhiễm khuẩn tiết niệu

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn rộng rãi, thoáng mát đầy đủ ánh sáng và trang thiết bị.

2. Trang thiết bị:

+ Máy chiếu Projector.

+ Hệ thống loa treo + máy tăng âm: 01 bộ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phần, giấy...

4. Các nguồn lực khác: Giáo trình tham khảo;

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

- Phương pháp đánh giá: Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

- Nội dung đánh giá:

+ Kiến thức: Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

+ Kỹ năng: Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn y học khác để phòng bệnh và điều trị bệnh.

+ Thái độ: Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp nghề Chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập của môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:

- Thực hành trên các mô hình giải phẫu giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành:

- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử..

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các chương 1,2,3.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Nguyễn Minh Sơn, *Giáo trình Dịch tễ học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2010

- Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên, *Giáo trình Dịch tễ học Y học*, Nhà xuất bản Y học, 2006.
- Lê Thị Anh Thư, *Giáo trình Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện*, NXB Y Học, 2011.
- Thông tư: Hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh chữa bệnh. Số 18/2009/TT-BYT ngày 14/10/2009
- Đặng Đức Anh, *Nhiễm trùng bệnh viện*, NXB Y học Hà Nội, 2010.
- Jennie Wilson, *Infection Control in Clinical Practice*, 2016.
- Jean Lawrence, *Manual of Infection control procedures*, NXB Dee May, 2013.
- Claire Mercier, *Infection Control, Hospital and Community*, NXB Nelson Thomes ([http://books/google.com/books/about/infection\\_control/html/](http://books/google.com/books/about/infection_control/html/)), 2011.
- *British Journal of Nursing*. <http://www.britishjournalofnursing.com/>.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Quản trị kinh doanh cơ sở làm đẹp**

**Mã mô đun: MH 08**

**Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ: (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành: 0 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)**

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Tạo lập cơ sở chăm sóc sắc đẹp được bố trí sau các môn học chung về đại cương

- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

### II. Mục tiêu của môn học:

- Kiến thức:

+ Mô tả được những vấn đề quản lý về kinh doanh cơ sở làm đẹp

+ Xác định được đối tượng cần tư vấn và chăm sóc sắc đẹp

+ Xác định được các yếu tố cần thiết để thực hiện truyền thông và marketing trong dịch vụ chăm sóc sắc đẹp

- Kỹ năng:

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn chuyên ngành chăm sóc sắc đẹp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, tự giác trong học tập.

### III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Kiến thức tổng quát về Spa	2	2		
2	Dự kiến nhân sự, quản lý nhân sự trong Spa	5	5		
3	Dự kiến phòng, phân loại phòng	5	5		
4	Tiếp khách tại lễ tân, tư vấn, lập bảng tư vấn	5	5		
5	Lập menu cho Spa	5	5		
6	Dịch vụ hậu mãi, lên kế hoạch cho dịch vụ hậu mãi	5	5		
7	Kiểm tra	3			3
<b>Cộng</b>		<b>30</b>	<b>27</b>	<b>0</b>	<b>3</b>

1. Nội dung chi tiết:

**Chương 1: Kiến thức tổng quát về Spa**

Thời gian: 2 giờ

*Mục tiêu:*

- Trình bày khái niệm, nguồn gốc Spa? Liệt kê các loại hình Spa.
- Kể tên các bước phục vụ Spa Châu Á và Spa Châu Âu

*Nội dung chương:*

- 1.1. Spa là gì?
- 1.2. Nguồn gốc Spa.
- 1.3. Spa Châu Á và Spa Châu Âu.

**Chương 2: Dự kiến nhân sự và quản lý nhân sự trong Spa**

Thời gian: 5 giờ

*Mục tiêu:*

- Trình bày cơ cấu tổ chức của Spa?
- Trình bày cách phân công sắp xếp nhân sự theo giờ hành chính, nhân sự theo ca, nhân sự theo khu vực.
- Trình bày các bước lập sổ bàn giao ca?
- Có tư duy trong việc sắp xếp nhân sự, quản lý Spa đạt hiệu quả cao.

*Nội dung chương:*

- 2.1. Nhân sự cho quản lý, thu ngân, lễ tân, phục vụ phòng, kỹ thuật viên.
- 2.2. Cách phân công sắp xếp nhân sự theo giờ hành chính.
- 2.3. Cách phân công sắp xếp nhân sự theo ca, lập sổ bàn giao.
- 2.4. Cách phân công nhân sự theo khu vực.

**Chương 3: Dự kiến phòng, phân loại phòng trong Spa**

Thời gian: 5 giờ

*Mục tiêu:*

- Kể tên các loại phòng trong Spa?
- Trình bày mục đích và yêu cầu phân loại phòng trong Spa?
- Có ý thức thiết kế phòng trong Spa đạt hiệu quả cao trong sử dụng.

*Nội dung chương:*

- 3.1. Phòng tiếp khách.
- 3.2. Phòng thay đồ.
- 3.3. Phòng trà thư giãn.
- 3.4. Phòng Spa.
- 3.5. Các loại phòng khác
- 3.6. Phân loại phòng cho diện tích 100m<sup>2</sup>, 200m<sup>2</sup>, 300m<sup>2</sup> và lớn hơn 300m<sup>2</sup>.

**Chương 4: Tiếp khách tại lễ tân, tư vấn, lập bảng tư vấn**

Thời gian: 5 giờ

*Mục tiêu: Cách phân công nhân sự theo khu vực.*

- Trình bày quy trình tiếp khách tại bộ phận lễ tân.
- Liệt kê các bước tư vấn, lập bảng tư vấn khi giao tiếp với khách hàng.

- Có ý thức nâng cao khả năng giao tiếp để đạt hiệu khi giao tiếp với khách hàng.

*Nội dung chương:*

- 4.1. Tiếp khách tại lễ tân.
- 4.2. Tư vấn – Lập bảng tư vấn, ghi nhận thông tin khách hàng.
- 4.3. Chào đón khách, bố trí phòng.
- 4.4. Cách nhận tin nhắn, điện thoại, ghi nhận cuộc hẹn.
- 4.5. Chăm sóc khách hàng sau Spa – Cách đặt cuộc hẹn cho lần tới.

### **Chương 5: Lập menu cho Spa**

Thời gian: 5 giờ

*Mục tiêu:*

- Trình bày mục đích, ý nghĩa lập menu cho Spa.
- Kể tên các bước lập menu theo từng liệu trình riêng lẻ.
- Kể tên các bước lập menu theo một gói dịch vụ nhỏ, lớn.
- Kể tên các bước lập menu theo chương trình khuyến mãi.

*Nội dung chương:*

- 5.1. Lập theo từng liệu trình riêng lẻ.
- 5.2. Lập theo một gói dịch vụ nhỏ, lớn.
- 5.3. Lập theo chương trình khuyến mãi.

### **Chương 6: Dịch vụ hậu mãi, lên kế hoạch cho dịch vụ hậu mãi**

Thời gian: 5 giờ

*Mục tiêu:*

- Kể tên các dịch vụ hậu mãi tại Spa.
- Trình bày các bước khi lên kế hoạch cho dịch vụ hậu mãi.
- Liệt kê các bước chăm sóc khách sau Spa tại Spa, chăm sóc khách hàng tại nhà.
- Trình bày cách thông báo cho khách hàng chương trình khuyến mãi.

*Nội dung chương:*

- 6.1. Chăm sóc khách sau Spa tại Spa.
- 6.2. Chăm sóc khách hàng tại nhà.
- 6.3. Cách thông báo cho khách hàng chương trình khuyến mãi.

### **Kiểm tra:**

Thời gian: 3 giờ

### **IV. Điều kiện thực hiện:**

1. Phòng học chuyên môn rộng rãi, thoáng mát đầy đủ ánh sáng và trang thiết bị.
2. Trang thiết bị:
  - Máy chiếu projector;
  - Máy vi tính;



- Âm li, loa;

- Micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình Quản trị kinh doanh cơ sở làm đẹp;

- Đề cương bài giảng, giáo án;

- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;

- Câu hỏi, bài tập thực hành.

4. Các nguồn lực khác:

- Giáo trình tham khảo;

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Phương pháp đánh giá: Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:

+ Kiến thức cơ bản về kinh doanh cơ sở chăm sóc sắc đẹp

+ Kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của một cơ sở làm đẹp

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào thực hiện kỹ năng nghề nghiệp kinh doanh dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.

- Kỹ năng:

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn học chuyên ngành về chăm sóc sắc đẹp.

- Thái độ:

+ Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học nghiệp vụ Quản trị kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.

**VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp nghề Chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy mô đun:

- Đối với giáo viên

+ Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phân lý thuyết đã học:

+ Thực hành trên các mô hình sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp

+ Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

- Đối với học sinh:

+ Năm bắt được kiến thức cơ bản về kinh doanh cơ sở chăm sóc sắc đẹp, về chức năng, hoạt động của một cơ sở làm đẹp;

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào thực hiện kỹ năng nghề nghiệp kinh doanh dịch vụ chăm sóc sắc đẹp;

+ Nghiêm túc, tự giác trong học tập.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các tất cả các bài vì đây là môn trọng tâm để quản lý cơ sở làm đẹp đặc biệt là spa.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình Quản trị kinh doanh chăm sóc sắc đẹp

- Tham khảo một số cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp tại địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Kỹ năng giao tiếp và trình bày

**Mã môn học:** MH 09

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 36 giờ; Thực hành: 5 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: được phân bổ sau khi học các môn đại cương.
- Tính chất: là môn học ngành, môn học bắt buộc.

### II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về giao tiếp và truyền thông, các phương tiện giao tiếp và trình bày, phong cách và văn hóa giao tiếp.
- Kỹ năng: Sau khóa học sinh viên cải thiện được tình trạng giao tiếp của mình và biết cách áp dụng phương pháp giao tiếp và trình bày hiệu quả vào trong việc học cũng như trong cuộc sống hàng ngày
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Những vấn đề chung về giao tiếp và truyền thông	4	4		
2	Bài 2: Cấu trúc giao tiếp	3	3		
3	Bài 3: Khám phá bản thân	5	5		
4	Bài 4: Các phương tiện giao tiếp và trình bày	6	5	1	
5	Bài 5: Phong cách giao tiếp	6	4	1	1
6	Bài 6: Các kỹ năng giao tiếp cơ bản	7	5	1	1
7	Bài 7: Giao tiếp cá nhân và giao tiếp đại chúng	8	6	1	1
8	Bài 8: Văn hóa giao tiếp của các nhóm xã hội	6	4	1	1
<b>Cộng</b>		<b>45</b>	<b>36</b>	<b>5</b>	<b>4</b>

2. Nội dung chi tiết:

**Chương 1: Những vấn đề chung về giao tiếp và truyền thông** Thời gian: 04 giờ

*Mục tiêu:* Giúp sinh viên hiểu rõ một số khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông, chức năng và phân loại giao tiếp, truyền thông.

*Nội dung chương:*

- 1.1. Khái niệm giao tiếp và truyền thông
- 1.2. Chức năng của giao tiếp
- 1.3. Phân loại giao tiếp

**Chương 2: Cấu trúc giao tiếp**

Thời gian: 03 giờ

*Mục tiêu:* Giúp sinh viên hiểu được bản chất, đặc điểm của quá trình truyền thông, nhận thức và ảnh hưởng qua lại của việc giao tiếp

*Nội dung chương:*

- 2.1. Truyền thông trong giao tiếp
- 2.2. Nhận thức trong giao tiếp
- 2.3. Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp

**Chương 3: Khám phá bản thân**

Thời gian: 05 giờ

*Mục tiêu:* Qua phần này, sinh viên có thể tự liên hệ bản thân, khám phá về mình, hiểu được nguồn gốc hành vi của mình để có thể tự điều chỉnh hành vi.

*Nội dung chương:*

- 3.1. Khái niệm bản thân : Bài tập khám phá bản thân
  - 3.1.1. Các hình thức của khái niệm bản thân
  - 3.1.2. Các khuynh hướng của khái niệm bản thân
  - 3.1.3. Sự chuyển biến của khái niệm bản thân
- 3.2. Trắc nghiệm DICS
- 3.3. Cơ chế phòng vệ : Tình huống phòng vệ
  - 3.3.1. Phản ứng hung tính
  - 3.3.2. Phản ứng rút lui
  - 3.3.3. Phản ứng thay thế

**Chương 4: Các phương tiện giao tiếp và trình bày**

Thời gian: 06 giờ

*Mục tiêu:* Qua phần này sinh viên biết cách sử dụng các phương tiện giao tiếp hiệu quả hơn, đặc biệt là biết chú trọng tới phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

*Nội dung chương:*

- 4.1. Ngôn ngữ
- 4.2. Phi ngôn ngữ

**Chương 5: Phong cách giao tiếp**

Thời gian: 06 giờ

*Mục tiêu:* Qua phần học này sinh viên hiểu được điểm mạnh điểm yếu của các loại phong cách giao tiếp, qua đó biết chọn cho mình một phong cách giao tiếp

phù hợp với khả năng của mình cũng như phù hợp với văn hóa, chuẩn mực xã hội.

*Nội dung chương:*

5.1. Khái niệm phong cách giao tiếp

5.2. Các loại phong cách giao tiếp

### **Chương 6: Các kỹ năng giao tiếp cơ bản**

Thời gian: 07 giờ

*Mục tiêu:* Biết sử dụng các kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi, nói, đọc, thương lượng hiệu quả hơn khi giao tiếp.

*Nội dung chương:*

6.1. Kỹ năng lắng nghe

6.2. Kỹ năng đặt câu hỏi

6.3. Kỹ năng thuyết trình

6.4. Kỹ năng đọc/viết

6.5. Kỹ năng thương lượng

### **Chương 7: Giao tiếp cá nhân và giao tiếp đại chúng**

Thời gian: 08 giờ

*Mục tiêu:* Giúp sinh viên phân biệt được cách thức giao tiếp giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với nhóm, nhóm với nhóm và cách thức giao tiếp thông qua các phương tiện truyền thông.

*Nội dung bài:*

7.1. Giao tiếp liên cá nhân

7.2. Giao tiếp giữa cá nhân với nhóm

7.3. Giao tiếp giữa nhóm với nhóm

7.4. Giao tiếp qua các phương tiện truyền thông

7.5. Ảnh hưởng của phương tiện truyền thông đến hành vi các mối quan hệ cá nhân, nhóm xã hội.

### **Chương 8: Văn hóa giao tiếp của các nhóm xã hội**

Thời gian: 06 giờ

*Mục tiêu:* Giúp sinh viên hiểu được đặc tính văn hóa vùng miền, khu vực, nhóm đối tượng để từ đó có cách nhìn nhận, ứng xử tốt trong quá trình giao tiếp với họ.

*Nội dung chương:*

8.1. Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam

8.2. Văn hóa giao tiếp của người nước ngoài

8.3. So sánh văn hóa phong cách giao tiếp phương Đông & phương Tây

8.4. Văn hóa giao tiếp của nhóm nông dân

8.5. Văn hóa giao tiếp của nhóm công nhân

8.6. Văn hóa giao tiếp của nhóm trí thức

8.7. Ảnh hưởng của ngôn ngữ phong tục, tập quán trong giao tiếp

#### **IV. Điều kiện thực hiện chương trình:**

1. Phòng học chuyên môn rộng, thoáng, đầy đủ ánh sáng.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, laptop, micro,
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Video thực tập hướng dẫn cách trình bày trước công chúng.

#### **V. Phương pháp và nội dung đánh giá:**

1. Phương pháp đánh giá: Bằng nhiều hình thức khác nhau như kiểm tra viết, bài tập nhóm hoặc cá nhân, thảo luận nhóm...

2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:

+ Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về giao tiếp và ứng xử theo truyền thống dân tộc và theo thông lệ quốc tế, phù hợp với sự phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn hiện nay.

- Kỹ năng:

+ Sinh viên có được một số kỹ năng giao tiếp cơ bản nhất như: nói, viết, nghe, thuyết phục, điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng giao tiếp với cá nhân, với nhóm, kỹ năng giao tiếp qua phương tiện truyền thông, ngoại giao, giao tiếp với công chúng, kỹ năng phân tích đánh giá tình huống, sử dụng các phương tiện giao tiếp.

- Thái độ:

+ Có thái độ tích cực đối mới trong giao tiếp để đạt hiệu quả tốt hơn

+ Biết tự đánh giá được điểm mạnh, hạn chế trong giao tiếp của bản thân và đề ra những biện pháp để hoàn thiện.

+ Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ;

+ Tham gia ít nhất 80% thời lượng môn học.

#### **VI. Hướng dẫn chương trình:**

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp nghề Chăm sóc sắc đẹp;

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Đối với giáo viên:

+ Chuẩn bị giáo án.

+ Chuẩn bị đầy đủ bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo đi kèm.

+ Vai trò người hướng dẫn, sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực.

+ Quản lý lớp.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- + Dự lớp
- + Tham gia thảo luận
- + Làm bài tập
- + Kiểm tra giữa kỳ
- + Thi kết thúc môn học

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Ampikaipakan & Asnidadaim: Cách ứng xử và xã giao nơi làm việc (Nguyễn Kim Dân biên dịch)

- Nguyễn Thị Oanh 1993: Tâm lý truyền thông và giao tiếp. ĐH Mở Bán công Tp. HCM.

- Allan & Barbara Pease 200: Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bích Lãnh 2007: 100 cách giao tiếp cần học hỏi trong cuộc sống hàng ngày, NXB Thanh Niên. Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phong Thiên 2007: Nghệ thuật giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. NXB Thanh Hóa. Thanh Hóa.

- Nguyễn Văn Lê 1992: Bài giảng tâm lý học. Vấn đề giao tiếp. NXB Giáo dục.

- Nguyễn Văn Lê 1996: Giao tiếp bằng ngôn ngữ. NXB. Trẻ. Tp.HCM.

- Nguyễn Văn Lê 1996: Giao tiếp phi ngôn ngữ. NXB. Trẻ. Tp.HCM.

- Minh Sơn 1999: Nghệ thuật ứng xử giữa nam và nữ. NXB. Phụ nữ

- Phan Kế Bính: Việt Nam phong tục. NXB Tp.HCM, 1990

- Chu Văn Đức: Kỹ năng giao tiếp. NXB Hà Nội, 2005

- Trần Ngọc Thêm (1997), Tìm hiểu về bản sắc văn hóa Việt Nam, NXB Tp.HCM.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: Chăm sóc da cơ bản**

**Mã số của mô đun: MĐ 10**

**Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ ( Lý thuyết: 44 giờ: Thực hành: 39 giờ; Kiểm tra: 07 giờ )**

### I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Mô đun chăm sóc da được bố trí sau các môn học chung về đại cương.

- Tính chất: Là mô đun cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Mô tả được những đặc điểm cấu trúc cơ bản về da và các thành phần của da;

+ Xác định được các chi tiết về da mặt, đã học ở phần lý thuyết trên tranh ảnh, trên mô hình, trên người sống.

+ Xác định được các vấn đề phân loại da, các yếu tố tác động lên da, lựa chọn các sản phẩm chăm sóc da phù hợp.

- Kỹ năng:

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn ứng dụng chăm sóc da để phòng bệnh và điều trị bệnh về da.

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn học khác để chăm sóc da một cách cơ bản và tốt nhất.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc trong học tập và phát huy tính tư duy sáng tạo.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Lời nói đầu	1	1		
2	Nhận biết cấu trúc và cấu tạo da	4	4		
3	Phân loại da, soi da và phân tích da	10	10		
4	Chăm sóc da mặt cơ bản hằng	10	8		2



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	ngày, da mặt bị tổn thương				
5	Chuẩn bị trước khi thực hiện chăm sóc da mặt	10	6	4	
6	Các bước chăm sóc da mặt	55	23	35	5
<b>Cộng</b>		<b>90</b>	<b>44</b>	<b>39</b>	<b>7</b>

2. Nội dung chi tiết:

**Bài mở đầu: Lời nói đầu**

Thời gian: 1 giờ

- Vai trò quan trọng của da
- Ảnh hưởng của da đối thẩm mỹ xã hội

**Bài 1: Nhận biết cấu trúc da**

Thời gian: 4 giờ

*Mục tiêu:*

- Hiểu được cấu trúc và cấu tạo của da;
- Nhận biết các đặc điểm, khái niệm da;
- Hiểu được thành phần nước, tính axit yếu đối với da;

*Nội dung bài :*

- 1.1. Nhận biết cấu trúc da
  - 1.1.1. Đặc điểm
  - 1.1.2. Khái niệm
  - 1.1.3. Cấu trúc da
- 1.2. Nhận biết cấu tạo da
  - 1.2.1. Nước
  - 1.2.2. Tính axit yếu
  - 1.2.3. Cấu tạo da

**Bài 2: Phân loại da, soi da và phân tích da**

Thời gian: 10 giờ

*Mục tiêu:*

- Hiểu được các bước xác định da
- Nhận biết các loại da; Xác định được loại da
- Hiểu được công dụng của soi da ;
- Nhận dạng và phân tích da thành thạo ;
- Thực hiện soi da thành thạo

*Nội dung bài:*

- 2.1. Phân loại da
  - 2.1.1. Các bước xác định phân loại da

2.1.2. Phân loại da (5 loại da cơ bản: da thường, da dầu, da khô, da hỗn hợp, da nhạy cảm)

2.1.3. Các lỗi thường gặp khi chăm sóc da mặt

2.2. Soi da

2.2.1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ

2.2.2. Soi da

2.3. Phân tích da

### **Bài 3: Chăm sóc da mặt cơ bản hằng ngày và da mặt bị tổn thương**

Thời gian: 10 giờ

*Mục tiêu:*

- Nhận biết loại da ;
- Lựa chọn sản phẩm chăm sóc da mặt phù hợp với từng loại da ;
- Thực hiện các thao tác chăm sóc da mặt thành thạo từng loại da ;
- Cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình học tập, rèn luyện kỹ năng phân biệt và nhận biết các loại da.
- Hiểu được nguyên nhân da bị tổn thương;
- Thực hiện phương pháp chăm sóc da mặt bị tổn thương thành thạo;

*Nội dung bài :*

3.1. Chăm sóc da mặt cơ bản hằng ngày

3.1.1. Chăm sóc da mặt thường

3.1.2. Chăm sóc da mặt dầu

3.1.3. Chăm sóc da mặt khô

3.1.4. Chăm sóc da mặt hỗn hợp thường

3.1.5. Chăm sóc da mặt hỗn hợp khô

3.1.6. Chăm sóc da mặt dầu bề mặt khô

3.2. Chăm sóc da mặt bị tổn thương

3.2.1 Nguyên nhân da bị tổn thương

3.2.2. Chăm sóc da mặt bị mụn

3.2.3. Chăm sóc da mặt bị nám

3.2.4. Chăm sóc da mặt dị ứng

3.2.5. Chăm sóc da mặt lão hóa

### **Bài 4: Chuẩn bị trước khi thực hiện chăm sóc da mặt**

Thời gian: 10 giờ

*Mục tiêu:*

- Nắm được trang thiết bị của nghề chăm sóc da mặt;
- Hiểu được công dụng, cách dùng trang thiết bị của nghề chăm sóc da mặt;
- Sử dụng thành thạo trang thiết bị của nghề chăm sóc da mặt;

- Vệ sinh, an toàn thiết bị điện; dụng cụ; đồ nghề chuyên dụng trong ngành chăm sóc da mặt thẩm mỹ.

- Khái niệm được nghề chăm sóc da mặt; người thợ làm chăm sóc da mặt giỏi;
- Thực hiện các bước chuẩn bị trước khi thực hiện chăm sóc da mặt.

*Nội dung bài:*

#### 4.1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ

##### 4.1.1. Giới thiệu trang thiết bị dụng cụ chăm sóc da mặt

##### 4.1.2 Công dụng cách dùng

4.1.3. Vệ sinh , an toàn thiết bị điện; dụng cụ; đồ nghề chuyên dụng trong ngành chăm sóc da mặt thẩm mỹ

#### 4.2. Chuẩn bị trước khi thực hiện chăm sóc da mặt

##### 4.2.1. Khái niệm về nghề chăm sóc da mặt

##### 4.2.2. Khái niệm người thợ làm chăm sóc da mặt giỏi

##### 4.2.3. Các bước chuẩn bị trước khi thực hiện chăm sóc da mặt

### **Bài 5: Các bước chăm sóc da mặt**

Thời gian: 55 giờ

*Mục tiêu:*

- Chuẩn bị dụng cụ vật liệu, thiết bị cho quá trình chăm sóc da mặt
- Thực hiện quấn khăn đầu theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Thực hiện thao tác tẩy trang nhẹ nhàng đúng quy trình kỹ thuật;
- Đảm bảo an toàn sau khi tẩy trang.
- Kiểm tra sản phẩm rửa mặt phù hợp với loại da
- Đảm bảo làn da phải được sạch sẽ sau khi làm sạch da mặt và cổ
- Thực hiện thao tác xông hơi mặt, hút bã dầu đúng kỹ thuật;
- Đảm bảo an toàn khi sử dụng máy xông hơi.
- Thực hiện thao tác tẩy tế bào nhẹ nhàng đúng quy định kỹ thuật.
- Đảm bảo làn da mịn màng mềm mại sau khi tẩy tế bào.
- Thực hiện lau khăn thành thạo đúng kỹ thuật
- Thực hiện làm mềm da thành thạo đúng quy trình kỹ thuật

*Nội dung bài:*

#### 5.1. Quấn khăn đầu

##### 5.1.1. Chuẩn bị dụng cụ

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Khăn quấn đầu massage	Chiếc	10	
2	Giường nằm massage gỗ 70x1800m	Chiếc	05	
3	Gối massage 20x40cm	Chiếc	10	
4	Tủ hấp khăn	Chiếc	01	

##### 5.1.2. Quấn khăn đầu

### 5.1.3. Kiểm tra

## 5.2. Tẩy trang

### 5.2.1. Chuẩn bị dụng cụ

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ dụng cụ tẩy trang	Bộ	5	
2	Bông tẩy trang	Bịch	05	
3	Bồn rửa dụng cụ	Chiếc	01	
4	Găng tay vô khuẩn	Hộp	03	

### 5.2.2. Tẩy trang mắt – môi

### 5.2.3. Tẩy trang mặt

### 5.2.4. Lau khăn giấy

### 5.2.5. Kiểm tra tẩy trang da mặt

## 5.3. Lau bọt biển và làm sạch da mặt và cổ

### 5.3.1 Chuẩn bị dụng cụ

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Sữa rửa mặt các loại	Chiếc	10	
2	Thau đựng nước rửa mặt nhỏ	Chiếc	10	
3	Găng tay vô khuẩn	Hộp	03	
4	Bồn rửa dụng cụ	Chiếc	01	
5	Miếng bọt biển	Miếng	10	

### 5.3.2. Rửa mặt cho khách

### 5.3.3. Lau bọt biển

### 5.3.4. Kiểm tra

## 5.4. Xông hơi và hút bã dầu

### 5.4.1 Chuẩn bị dụng cụ

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tinh dầu	Lọ	03	
2	Máy xông nóng RU-707B	Chiếc	01	
3	Máy hút chất nhờn	Chiếc	01	
4	Ghế xoay inox	Chiếc	10	

### 5.4.2 Xông hơi

### 5.4.3. Hút bã dầu

## 5.5. Tẩy tế bào da mặt và cổ

### 5.5.1 Chuẩn bị dụng cụ

### 5.5.2. Tẩy tế bào

5.5.3. Kiểm tra

5.6. Lau khăn

5.6.1. Chuẩn bị dụng cụ

5.6.2. Lau khăn

5.6.3. Kiểm tra làn da

5.7. Làm mềm

5.7.1. Chuẩn bị dụng cụ

5.7.2. Làm mềm

5.7.3. Kiểm tra làn da

#### **IV. Điều kiện thực hiện chương trình:**

1. Phòng học chuyên môn rộng, thoáng, đầy đủ ánh sáng;

2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu Projector.

- Dụng cụ và trang thiết bị: máy soi da, tivi, máy chiếu, máy tính

3. Học liệu:

- Nguyên vật liệu: bộ sản phẩm chăm sóc da cho mọi loại da, bộ sản phẩm chăm sóc da mặt bị tổn thương

- Tẩy trang, nước hoa hồng, sữa rửa mặt, khăn dài, bọt biển, khăn giấy,

- Giáo án, giáo trình, chương trình giảng dạy và một số tài liệu tham khảo khác.

#### **V. Phương pháp và nội dung đánh giá:**

1. Phương pháp đánh giá:

- Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:

+ Kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể, cấu trúc của da và các phần phụ của da trong cơ thể người.

+ Kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong môi liên hệ thống nhất giữa các cơ quan với nhau và giữa cơ thể với môi trường.

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học, sinh lý học vào các môn y học khác để phòng bệnh và điều trị bệnh.

+ Kiến thức cơ bản về các yếu tố ảnh hưởng tới da, đặc biệt là các vùng da tiếp xúc nhiều với môi trường.

+ Kiến thức cơ bản về chức năng bảo vệ da và phương pháp sử dụng các sản phẩm hỗ trợ da

- Kỹ năng:

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn y học khác để phòng bệnh và điều trị bệnh về da

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học và chăm sóc da cơ bản

- Thái độ:

+ Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

+ Tham gia ít nhất 80% thời lượng môn học;

+ Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ.

## **VI. Hướng dẫn chương trình:**

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp nghề Chăm sóc sắc đẹp;

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:

- Thực hành trên các mô hình giải phẫu giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp

- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Phân loại da

- Phân tích da

- Chăm sóc da mặt cơ bản, chăm sóc da mặt bị tổn thương

- Thực hiện thành thạo phương pháp soi da.

- Tẩy trang, lau bọt biển, tẩy tế bào, lau khăn .

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Tài liệu về Da và niêm mạc, do cơ sở thẩm mỹ về Da của bệnh viện Da liễu Trung ương. Xuất bản 2016.

- Tài liệu: Chăm sóc da cơ bản. Trung tâm thẩm mỹ spa Lisa. Xuất bản năm 2016.

- Giáo trình chăm sóc da mặt Dermalogica;

- Giáo trình toàn khoa Chăm sóc sắc đẹp – Hoa kỳ;

- Giáo trình chăm sóc da mặt Sheeido;

- Giáo trình chăm sóc da mặt Forever The World
- Đông y Nguyễn Hữu Hách;
- Viện nghiên cứu da Á Âu;
- Viện da liễu quốc gia.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: Kỹ thuật Trang điểm**

**Mã mô đun: MĐ 11**

**Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 116 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)**

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học trang điểm cơ bản được bố trí sau các môn học chung về đại cương.

- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Nhận thức được vai trò đạo đức của người nhân viên chăm sóc sắc đẹp, trang điểm thẩm mỹ.

+ Hiểu được đạo đức, tác phong chuyên nghiệp của nhân viên chăm sóc sắc đẹp, trang điểm thẩm mỹ.

+ Hiểu được kiến thức trang điểm theo dạng khuôn mặt: trang điểm cơ bản.

+ Phân tích được loại da, chăm sóc da trước và sau khi trang điểm

- Kỹ năng:

+ Nhận dạng và mô tả được quá trình chỉnh sửa khuyết điểm theo dạng khuôn mặt;

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học nghề nghiệp chăm sóc sắc đẹp và mở spa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, sáng tạo chuyên cần trong học tập và nghiên cứu.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các Chương trong mô đun	Thời gian			
		Tổng Số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Bài mở đầu: Lời nói đầu	1	1		
2	Bài 1: Khái luận trang điểm	1	1		
3	Bài 2: Dụng cụ trang điểm	10	1	9	
4	Bài 3: Sinh lý da	10	1	9	
5	Bài 4: Sắp xếp dụng cụ	10		10	
6	Bài 5: Chăm sóc da	10	1	9	
7	Bài 6: Giới thiệu quy trình trang điểm	10	2	8	



Số TT	Tên các Chương trong mô đun	Thời gian			
		Tổng Số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
8	Bài 7: Đánh nền	15	1	14	
9	Bài 8: Đánh mắt	16	1	14	1
10	Bài 9: Vẽ lông mày	16	1	14	1
11	Bài 10: Vẽ môi	16	1	14	1
12	Bài 11: Đánh má hồng, tạo khối	20	4	15	1
<b>Cộng</b>		<b>135</b>	<b>15</b>	<b>116</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài mở đầu: Lời nói đầu**

Thời gian: 1 giờ

- Giới thiệu đôi nét về giáo viên, học viên và trường. Giới thiệu về tâm niệm của nhân viên trang điểm, triển vọng ngành trang điểm và phân phát dụng cụ.

### **Bài 1: Khái luận trang điểm**

Thời gian: 1 giờ

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức ban đầu cần thiết đối với nhân viên trang điểm.

*Nội dung bài:*

- 1.1. Sự cuốn hút của phái đẹp
- 1.2. Những yếu tố cần phải có của nhân viên trang điểm
- 1.3. Giới thiệu các phong cách trang điểm

### **Bài 2: Dụng cụ trang điểm**

Thời gian: 10 giờ

*Mục tiêu:*

- Học viên nắm được kiến thức về các loại dụng cụ dùng trong trang điểm;

*Nội dung bài:*

- 2.1. Các loại dụng cụ, vai trò, đặc tính của từng loại
- 2.2. Phương pháp vệ sinh và bảo quản từng loại
- 2.3. Những điều cần lưu ý khi sử dụng
- 2.4. Dụng cụ sử dụng:

### **Bài 3: Sinh lý da**

Thời gian: 10 giờ

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức về chức năng sinh lý da, phân loại da, biện pháp chăm sóc da, kiến thức về cơ, xương vùng mặt.

*Nội dung bài:*

- 3.1. Kiến thức về da:
  - 3.1.1 Cấu tạo da

- 3.1.2. Phân loại da
- 3.1.3. Biện pháp chăm sóc cho từng loại da
- 3.2. Xương và cơ biểu cảm
  - 3.2.1. Cấu tạo khung xương mặt
  - 3.2.2. Cơ và các biểu cảm của từng loại cơ trên vùng mặt
  - 3.2.3. Phân chia vùng trên khuôn mặt
- 3.3. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Mô hình da, cơ mặt	Bộ	02	
2	Tranh giải phẫu sinh lý mắt, môi, long mày	Tờ	02	
3	Tranh giải phẫu cơ đầu, mặt, cổ	Tờ	02	
4	Tranh giải phẫu sinh lý da	Tờ	02	

#### **Bài 4: Sắp xếp dụng cụ**

Thời gian: 10 giờ

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kỹ năng về sắp xếp dụng cụ khoa học, chuyên nghiệp giúp cho học viên tiến hành kỹ thuật trang điểm trôi chảy, đạt hiệu quả cao.

*Nội dung bài:*

- 4.1. Ý nghĩa, mục đích của việc sắp xếp dụng cụ
- 4.2. Phân loại, công dụng, cách sử dụng từng loại dụng cụ
- 4.3. Công đoạn sắp xếp dụng cụ
- 4.4. Tư thế chuẩn bị khi thực hiện kỹ thuật
- 4.5. Tác phong của nhân viên trang điểm
- 4.6. Những điều cần lưu ý khi thực hiện

#### **Bài 5: Chăm sóc da**

Thời gian: 10 giờ

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng chăm sóc da trước và sau khi trang điểm để nâng cao và duy trì hiệu quả việc trang điểm cho khách hàng.

*Nội dung bài:*

- 5.1. Ý nghĩa, mục đích của việc chăm sóc da
- 5.2. Công đoạn chăm sóc da trước khi trang điểm
- 5.3. Công đoạn tẩy trang:
  - 5.3.1. Tẩy trang mắt môi
  - 5.3.2. Tẩy trang nền
  - 5.3.3. Rửa mặt
- 5.4. Công đoạn chăm sóc da

- 5.4.1. Kỹ thuật vỗ nước hoa hồng
- 5.4.2. Kỹ thuật thoa kem dưỡng da
- 5.4.3. Kỹ thuật đắp mặt nạ nước
- 5.4.4. Kỹ thuật mát xa
- 5.5. Thiết bị sử dụng:

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Giường nằm massage gỗ 70x1800m	Chiếc	05	
2	Gối massage 20x40cm	Chiếc	05	
3	Sữa rửa mặt các loại	Chiếc	10	
4	Bông tẩy trang	Bịch	05	
5	Nước tẩy trang hoa hồng	Lọ	03	Nhiều loại
6	Kem dưỡng da	Tip	03	Nhiều loại
7	Mặt nạ nước	Tip	03	Nhiều loại

## **Bài 6: Giới thiệu quy trình trang điểm**

Thời gian: 10 giờ

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức của một quy trình trang điểm hoàn thiện giúp học viên hình dung được công việc của nhân viên trang điểm.

*Nội dung bài:*

- 6.1. Các bước trong trang điểm: gồm 7 bước
- 6.2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước

## **Bài 7: Đánh nền**

Thời gian: 15 giờ

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng tạo một lớp nền hoàn hảo, phù hợp với tác phong cách trang điểm và màu, loại da của từng khách hàng, hoàn tất công đoạn không thể thiếu trong trang điểm.

*Nội dung bài:*

- 7.1. Giới thiệu quy trình đánh nền
- 7.2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước
- 7.3. Phân loại mỹ phẩm
- 7.4. Cách chọn mỹ phẩm phù hợp với từng loại da
- 7.5. Công đoạn đánh nền
  - 7.5.1. Thoa nước hoa hồng
  - 7.5.2. Thoa kem dưỡng
  - 7.5.3. Thoa kem điều chỉnh sắc tố da
  - 7.5.4. Thoa phấn nền

### 7.5.5. Thoa phấn phủ

### 7.6. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ghế tròn xoay inox	Chiếc	05	
2	Nước hoa hồng	Lọ	05	
3	Kem dưỡng	Lọ	05	
4	Kem điều chỉnh sắc tố da	Tip	05	Nhiều loại
5	Phấn nền	Tip	05	Nhiều loại
6	Phấn phủ	Hộp	05	Nhiều loại
7	Giường nằm massage gỗ 70x1800m	Chiếc	05	
8	Gối massage 20x40cm	Chiếc	05	

## Bài 8: Đánh mắt

Thời gian: 16 giờ

### Mục tiêu:

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng đánh các kiểu mắt phù hợp với các phong cách trang điểm khác nhau, phù hợp với các đối tượng khách hàng.

### Nội dung bài:

- 8.1. Giới thiệu quy trình đánh mắt
- 8.2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước
- 8.3. Phân loại mỹ phẩm dùng cho trang điểm mắt
- 8.4. Giới thiệu các kiểu đánh mắt
- 8.5. Công đoạn đánh mắt:
  - 8.5.1. Đánh mốc mắt phù hợp với các kiểu trang điểm
  - 8.5.2. Vẽ viền mắt phù hợp với các kiểu trang điểm
  - 8.5.3. Kỹ thuật bấm mí
  - 8.5.4. Kỹ thuật chải mascara
- 8.6. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Kìm bấm mí	Cái	10	
2	Bàn chải Mascara	Cái	10	
3	Phấn đánh mắt	Cái		
4	Chì kẻ mắt	Cây	20	Nhiều màu

**Bài 9: Vẽ lông mày**

Thời gian: 16 giờ

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng vẽ các kiểu lông mày phù hợp với các phong cách trang điểm khác nhau, phù hợp với các đối tượng khách hàng.

*Nội dung bài:*

- 9.1. Giới thiệu quy trình vẽ lông mày
- 9.2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước
- 9.3. Phân loại mỹ phẩm dùng cho lông mày
- 9.4. Giới thiệu các kiểu vẽ lông mày
- 9.5. Công đoạn vẽ lông mày
  - 9.5.1. Đánh mốc mắt phù hợp với các kiểu trang điểm
  - 9.5.2. Vẽ lông mày phù hợp với các kiểu trang điểm
- 9.6. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Chì kẻ lông mày	Cái	10	
2	Phấn kẻ lông mày	Hộp	10	
3	Gel kẻ lông mày	Lọ	10	Nhiều loại

**Bài 10: Vẽ môi**

Thời gian: 16 giờ

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng vẽ các kiểu môi phù hợp với các phong cách trang điểm khác nhau, phù hợp với các đối tượng khách hàng.

*Nội dung bài:*

- 10.1. Giới thiệu quy trình vẽ môi
- 10.2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước
- 10.3. Phân loại mỹ phẩm dùng cho trang điểm môi
- 10.4. Giới thiệu các kiểu vẽ môi
- 10.5. Công đoạn trang điểm môi
- 10.6. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Son môi các loại	Cây	15	
2	Dưỡng môi	Lọ	03	
3	Tẩy trang (tẩy môi)	Lọ	03	

## Bài 11: Đánh má hồng, tạo khối

Thời gian: 20 giờ

### Mục tiêu:

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng đánh các kiểu má hồng phù hợp với các phong cách trang điểm khác nhau, phù hợp với các đối tượng khách hàng.

### Nội dung bài:

- 11.1. Giới thiệu quy trình đánh má hồng
- 11.2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước
- 11.3. Phân loại mỹ phẩm dùng cho đánh má hồng
- 11.4. Giới thiệu các kiểu đánh má hồng
- 11.5. Công đoạn đánh má hồng
- 11.6. Công đoạn tạo khối – điểm sáng tối.
- 11.7. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ cọ đa năng	Bộ	03	
2	Phấn nền	Tip	05	Nhiều loại
3	Phấn phủ	Hộp	05	Nhiều loại
4	Phấn má hồng	Hộp nén	03	Nhiều loại

## IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn.
2. Trang thiết bị:
  - Máy vi tính
  - Máy chiếu Projector.
  - Âm li, loa
  - Micro
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
  - Giáo trình trang điểm cơ bản;
  - Đề cương bài giảng, giáo án;
  - Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
  - Câu hỏi, bài tập thực hành..

## V. Phương pháp và nội dung đánh giá:

1. Phương pháp đánh giá:
  - Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.
  - Thực hành và kiểm tra thực hành đáp ứng yêu cầu từng bài học
2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Kiến thức cơ bản về các phương pháp chăm sóc da, dinh dưỡng cho da, phục hồi da
  - + Kiến thức cơ bản về trang điểm chăm sóc sắc đẹp
  - + Ứng dụng các hiểu biết của môn học với nghề nghiệp chăm sóc sắc đẹp
- Kỹ năng: Ứng dụng các hiểu biết của môn học nghề nghiệp chăm sóc sắc đẹp và mở spa.
- Thái độ:
  - + Có ý thức học tập tích cực, tham gia đầy đủ thời lượng mô đun;
  - + Chăm thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:**

### 1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun được giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề chăm sóc sắc đẹp.

### 2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy mô đun:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:

- Thực hành trên người thật giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp

- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử..

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

- Trọng tâm môn học là các bài: 3, 5, 7, 8.

### 5. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình chăm sóc sắc đẹp và sức khỏe do nhà trường biên soạn
- Giáo trình chăm sóc sắc đẹp và sức khỏe của trung tâm thẩm mỹ BVĐK

Quốc tế Thu Cúc. Xuất bản nội bộ năm 2016

- Trang điểm nâng cao (Tập đoàn giáo dục Sanko Gakuen Nhật Bản).
- Nghệ thuật trang điểm (NXB Văn hóa thông tin)
- Nghệ thuật trang điểm (NXB Phụ nữ)

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Chăm sóc và tạo mẫu tóc

**Mã môn học:** MH 12

**Thời gian thực hiện môn học:** 135 giờ (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành: 117 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

### I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Môn học Chăm sóc và tạo mẫu tóc được bố trí sau các môn học chung về đại cương

- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

### II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Cung cấp kiến thức về các loại tóc, các bệnh của tóc và cách xử lý;

+ Sinh viên có thể biết cách chăm sóc các loại tóc khác nhau;

- Kỹ năng:

+ Sinh viên có thể thực hành kiểu tóc theo mẫu cho sẵn;

+ Sinh viên có thể tự thiết kế kiểu tóc phù hợp với hoàn cảnh;

+ Nêu lên được cách xử lý các bệnh về tóc.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, sáng tạo trong học tập, thực hiện đúng tiến độ qui định.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung chương tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên Chương trong mô16.2.đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương mở đầu	3	3		
2	Gội đầu	23	2	21	
3	Uốn tóc	33	2	31	
4	Nhuộm tóc	33	2	31	
5	Duỗi tóc	33	2	31	
6	Các bệnh của tóc và cách xử lý	5	2	3	
7	Kiểm tra	5			5
<b>Cộng</b>		<b>135</b>	<b>13</b>	<b>117</b>	<b>5</b>

2. Nội dung chương chi tiết:



## Chương 1: Chương mở đầu

Thời gian: 3 giờ

### Mục tiêu:

- Hiểu được cấu trúc, cấu tạo; thành phần hóa học của sản phẩm qua đó phân loại, xác định các loại tóc;
- Nắm được trang thiết bị dụng cụ và trình bày được kiến thức nền tảng về an toàn lao động thẩm mỹ;
- Hiểu được kiến thức cơ bản về đạo đức tác phong và điều hành salon tóc
- Lựa chọn được các trang thiết bị dụng cụ, sản phẩm phù hợp với yêu cầu chăm sóc tóc;

### Nội dung chương:

- 1.1. Tóc và da đầu
  - 1.1.1. Phân loại da đầu
  - 1.1.2. Nhận dạng cấu trúc của tóc
  - 1.1.3. Nhận dạng cấu tạo của sợi tóc
  - 1.1.4. Phân loại và xác định loại tóc
- 1.2. Các sản phẩm chăm sóc tóc
  - 1.2.1. Các sản phẩm chăm sóc tóc
  - 1.2.2. Chọn phương pháp chăm sóc cho từng loại tóc
- 1.3. Đạo đức tác phong của chuyên viên làm tóc

## Chương 2: Gội đầu

Thời gian: 23 giờ

### Mục tiêu:

- Thực hiện thành thạo các thao tác gội đầu và xả tóc;
- Thao tác chia tóc đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Thực hiện công tác vệ sinh nơi làm việc và đảm bảo an toàn lao động.

### Nội dung chương:

#### 2.1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ gội đầu

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu gội đầu	Chai	05	Nhiều loại
2	Dầu xả tóc	Chai	05	Nhiều loại
3	Lược	Chiếc	05	Nhiều loại
4	Máy sấy	Chiếc	03	

- 2.2. Chọn dầu gội
- 2.3. Chải tóc và chia tóc
- 2.4. Gội đầu thường
- 2.5. Gội mái tóc tẩy
- 2.6. Gội đầu tóc nhuộm
- 2.7. Gội đầu tóc uốn

### Chương 3: Uốn tóc

Thời gian: 33 giờ

#### Mục tiêu:

- Thực hiện thành thạo quy trình uốn đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Xác định thành phần hóa học và độ pH của sản phẩm thành thạo;
- Sấy tạo kiểu thành thạo phù hợp với từng kiểu tóc;
- Thực hiện các biện pháp an toàn và vệ sinh khi thực tập.

#### Nội dung chương:

##### 3.1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ nguyên vật liệu uốn tóc

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máy uốn tóc	Chiếc	01	
2	Thuốc uốn tóc	Chai	02	
3	Cây uốn tóc	Chiếc	03	
4	Ống quấn tóc	Chiếc	10	
5	Giấy quấn tóc	Xấp	10	
6	Kẹp mỏ vịt, càng cua	Chiếc	10	
7	Khay đựng dụng cụ	Chiếc	02	
8	Khăn choàng vải	Chiếc	02	
9	Khăn bông	Chiếc	03	
10	Khăn bọt	Chiếc	03	
11	Mũ trùm đầu nilong	Chiếc	10	
12	Máy hấp tóc	Chiếc	01	

##### 3.2. Phân loại da đầu và mái tóc

##### 3.3. Cắt gội trước khi uốn

##### 3.4. Phương pháp cuốn ống xương và ống gai

##### 3.5. Kiểu uốn bung tự nhiên

##### 3.6. Kiểu uốn nửa đầu vĩnh ra

##### 3.7. Kiểu uốn nửa đầu úp vào

##### 3.8. Kiểu uốn ống dừa

##### 3.9. Kiểu uốn mái tôn

##### 3.10. Kỹ thuật uốn nóng (kỹ thuật số)

### Chương 4: Nhuộm tóc

Thời gian: 33 giờ

#### Mục tiêu:

- Thực hiện thành thạo quy trình thực hiện nhuộm tóc;
- Thành thạo phương pháp pha thuốc và vào thuốc;

- Xác định thành phần hóa học và độ pH, nồng độ của sản phẩm thành thạo;
- Thực hiện thành thạo tất cả các loại tóc nhuộm theo đúng yêu cầu kỹ thuật của mô đun;
- Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh.

*Nội dung chương:*

#### 4.1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thuốc nhuộm	Chai	05	Nhiều loại
2	Mũ trùm đầu nilong	Chiếc	10	
3	Lược	Chiếc	10	
4	Cọ nhuộm	Chiếc	05	
5	Bao tay nilong	Hộp	01	
6	Miếng choàng nhựa ngang vai	Chiếc	03	

#### 4.2. Lựa chọn thuốc nhuộm và quy trình nhuộm tóc

#### 4.3. Xác định màu nhuộm của tóc

#### 4.4. Pha thuốc nhuộm tóc bạc

#### 4.5. Nhuộm tóc qua 2 cấp độ

#### 4.6. Nhuộm tông ấm

#### 4.7. Nhuộm tông lạnh

#### 4.8. Tẩy tóc

#### 4.9. Nhuộm tóc highlight

### **Chương 5: Duỗi tóc**

Thời gian: 33 giờ

*Mục tiêu:*

- Thực hiện thành thạo quy trình duỗi tóc;
- Thành thạo phương pháp pha thuốc và vào thuốc;
- Xác định thành phần hóa học và độ pH của sản phẩm thành thạo;
- Thực hiện thành thạo tất cả các loại tóc duỗi theo đúng yêu cầu kỹ thuật của bộ môn;
- Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh.

*Nội dung chương:*

#### 5.1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ duỗi tóc

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máy duỗi tóc	Chiếc	01	
2	Đồ kẹp tóc	Chiếc	01	

STT	Tên dụng cụ	DVT	Số lượng	Ghi chú
3	Kẹp mỏ vịt, càng cua	Chiếc	10	
4	Khay đựng dụng cụ	Chiếc	02	
5	Khăn choàng vải	Chiếc	02	
6	Khăn bông	Chiếc	03	
7	Khăn bọt	Chiếc	03	

5.2. Xác định loại tóc trước khi duỗi tóc

5.3. Duỗi tóc khỏe

5.4. Duỗi tóc yếu

5.5. Duỗi tóc cúp

5.6. Duỗi tóc 3 giai đoạn

## **Chương 6: Cắt tóc**

Thời gian: 33 giờ

*Mục tiêu:*

- Thực hiện được cách cầm kéo và lược cơ bản thành thạo;
- Thực hiện quy trình cắt tóc các kiểu thành thạo;
- Thao tác thực hiện cầm, nháp kéo và lược thành thạo;
- Chăm thận, tỉ mỉ, thể hiện tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện công việc.

*Nội dung chương:*

6.1. Khái niệm về nghề làm tóc và các bước chuẩn bị trước khi thực hiện cắt tóc

6.2. Nháp kéo, lược và sơ đồ độ

6.3. Cắt kiểu ngang

6.4. Cắt kiểu sole

6.5. Cắt kiểu tém

6.6. Cắt tóc ngắn tông đơ

## **Chương 7: Các bệnh của tóc và cách xử lý**

Thời gian: 5 giờ

*Mục tiêu:*

+ Nắm được kiến thức về nguyên nhân, các xử lý các bệnh của tóc.

*Nội dung chương:*

7.1. Nguyên nhân và cách xử lý tóc khô

7.2. Nguyên nhân và cách xử lý tóc chẻ

7.3. Nguyên nhân và cách xử lý tóc gàu

7.4. Nguyên nhân và cách xử lý tóc dầu

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học lý thuyết và thực hành.
2. Trang thiết bị:
  - Máy chiếu projector;
  - Máy vi tính;
  - Âm li, loa;
  - Micro.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên liệu:
  - Giáo trình;
  - Đề cương bài giảng, giáo án;
  - Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
  - Câu hỏi, bài tập thực hành.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

1. Phương pháp đánh giá:
  - Thực hành: Sinh viên thực theo từng nội dung đã học.
2. Nội dung chương đánh giá:
  - Kiến thức:
    - + Có hiểu biết về tóc, về ngành tóc tại Việt Nam
    - + Có hiểu biết về các loại hóa chất sử dụng, phương pháp sử dụng
    - + Phân biệt được các kỹ thuật làm tóc khác nhau.
  - Kỹ năng :
    - + Có thể thực hiện được các mẫu tóc theo như yêu cầu.
  - Thái độ:
    - + Tham gia đầy đủ thời lượng mô đun;
    - + Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

Môn học được giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề chăm sóc sắc đẹp.
2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:
  - Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phân lý thuyết đã học:
  - Thực hành trên các mô hình giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học
  - Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn

chiều, áp dụng các loại giáo án điện tử.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các chương 1, 3, 4, 6

4. Tài liệu tham khảo:

- <https://tuanart.wordpress.com/2012/06/22/cac-van-de-ve-toc-va-da-dau-thuong-gap-2/>

- <https://tuoitre.vn/phong-chua-benh-cho-toc-va-da-dau-1129006.htm>

- <http://www.STEMshop.com/cham-soc-toc/tim-hieu-cau-truc-co-ban-cua-toc-va-da-dau/>

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: Chăm sóc và tạo mẫu móng**

**Mã mô đun: MĐ 13**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 135 giờ (Lý thuyết: 12 giờ; Thực hành: 117 giờ; Kiểm tra: 6 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học Chăm sóc và tạo mẫu móng được bố trí sau các môn học chung về đại cương

- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Đào tạo chuyên sâu kỹ thuật vẽ dựa trên nền tảng cơ bản về nghệ thuật Nail;

- Kỹ năng:

+ Học viên sẽ đạt được kỹ thuật đòi hỏi sự khéo léo, tinh xảo cao như dùng cọ vẽ 3D, phun sơn.

+ Phát triển và tiến bộ trong thao tác, tạo được những thiết kế Nail theo xu hướng và nhu cầu của khách hàng.

+ Khai thác sự sáng tạo, gu thẩm mỹ của từng học viên;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Giúp học viên dễ dàng hòa nhập và đáp ứng được yêu cầu công việc chuyên nghiệp ở môi trường làm Nail nước ngoài.

+ Nghiêm túc, sáng tạo trong học tập, thực hiện đúng tiến độ qui định.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung chương tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên Chương trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Hiểu biết chung	2	2		
2	Chăm sóc móng căn bản	13	2	11	
3	Nghệ thuật vẽ móng	25	2	22	1
4	Đắp móng bột	25	2	21	2
5	Vẽ bột nổi (3D)	35	2	32	1
6	Đắp Gel	35	2	31	2
<b>Cộng</b>		<b>135</b>	<b>12</b>	<b>117</b>	<b>6</b>

## 2. Nội dung chương chi tiết:

### **Bài 1: Hiểu biết chung**

Thời gian: 2 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Hiểu được cấu trúc móng và các bệnh thường gặp về móng, cách điều trị cũng như chăm sóc móng

- Nắm được nguyên tắc, chuẩn mực nghề nghiệp

#### *Nội dung bài:*

1.1. Hiểu biết chung về móng

1.1.1. Cấu tạo móng

1.1.2. Các bệnh thường gặp

1.1.3. Chăm sóc móng

1.2. Hiểu biết chung về nghề móng

1.2.1. Lịch sử phát triển

1.2.2. Nguyên tắc nghề nghiệp

1.2.3. Định hướng phát triển

### **Bài 2: Chăm sóc móng căn bản**

Thời gian: 13 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Thực hành được cách chăm sóc móng cơ bản.

#### *Nội dung bài:*

1.1. Cắt da tay và chân

1.2. Dũa móng

1.3. Sơn Fench (sơn đầu móng)

1.4. Sơn Mable (sơn thủy)

1.5. Đánh bóng móng

### **Bài 3: Nghệ thuật vẽ móng**

Thời gian: 25 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Hiểu và đánh giá được các sản phẩm, hóa chất sử dụng để vẽ móng

- Sinh viên vẽ được bộ móng như mẫu

- Sinh viên tự thiết kế và thực hiện được bộ móng theo yêu cầu

#### *Nội dung bài:*

3.1. Hiểu biết chung

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Mục tiêu

3.1.3. Các sản phẩm sử dụng

3.2. Các kỹ thuật vẽ móng

3.2.1. Cọ kim

3.2.2. Cọ nét



- 3.2.3. Cọ bản
- 3.2.4. Cọ râu
- 3.2.5. Cọ chấm bi

#### **Bài 4: Đắp móng bột**

Thời gian: 25 giờ

*Mục tiêu:*

- Hiểu và đánh giá được các sản phẩm, hóa chất sử dụng để vẽ móng
- Sinh viên vẽ được bộ móng như mẫu
- Sinh viên tự thiết kế và thực hiện được bộ móng theo yêu cầu

*Nội dung bài:*

- 4.1. Hiểu biết chung
  - 4.1.1. Khái niệm
  - 4.1.2. Mục tiêu
  - 4.1.3. Các sản phẩm sử dụng
- 4.2. Các kỹ thuật đắp bột
  - 4.2.1. Form (Tạo khuôn mẫu)
  - 4.2.2. Pink and white (Hồng và trắng)
  - 4.2.3. Đắp đầu móng kim tuyến
  - 4.2.4. Silk (lụa)
  - 4.2.5. Natural (tự nhiên)
  - 4.2.6. Clear (trong suốt)
  - 4.2.7. Fill móng

#### **Bài 5: Vẽ bột nổi (3D)**

Thời gian: 35 giờ

*Mục tiêu:*

- Hiểu và đánh giá được các sản phẩm, hóa chất sử dụng để vẽ móng
- Sinh viên vẽ được bộ móng như mẫu
- Sinh viên tự thiết kế và thực hiện được bộ móng theo yêu cầu

*Nội dung bài:*

- 5.1. Hiểu biết chung
  - 5.1.1. Khái niệm
  - 5.1.2. Mục tiêu
  - 5.1.3. Các sản phẩm sử dụng
- 5.2. Các kỹ thuật vẽ bột nổi
  - 5.2.1. Kỹ thuật lấy giọt
  - 5.2.2. Kỹ thuật tạo hoa và cánh
  - 5.2.3. Kỹ thuật tạo lá
  - 5.2.4. Kỹ thuật kết hoa và đính hoa

#### **Bài 6: Đắp Gel**

Thời gian: 35 giờ

*Mục tiêu:*

- Hiểu và đánh giá được các sản phẩm, hóa chất sử dụng để vẽ móng
- Sinh viên vẽ được bộ móng như mẫu
- Sinh viên tự thiết kế và thực hiện được bộ móng theo yêu cầu

*Nội dung bài:*

- 6.1. Hiểu biết chung
  - 6.1.1. Khái niệm
  - 6.1.2. Mục tiêu
  - 6.1.3. Các sản phẩm sử dụng
- 6.2. Các kỹ thuật đắp gel
  - 6.2.1. Đắp Gel ẩn hoa khô
  - 6.2.2. Đắp kim tuyến, xà cừ đầu móng
  - 6.2.3. Đắp ẩn nổi 3D
  - 6.2.4. Đắp gel kim tuyến, gel màu
  - 6.2.5. Đắp sơn thủy
  - 6.2.6. Đắp đầu móng (Fench Tip Gel)
  - 6.2.7. Kỹ thuật rải kim tuyến đính đá
  - 6.2.8. Đắp móng thủy tinh
  - 6.2.9. Kỹ thuật refill
  - 6.2.10. Kỹ thuật sơn gel

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun:**

1. Phòng học lý thuyết và thực hành
2. Trang thiết bị dạy học
  - Máy chiếu projector;
  - Máy vi tính;
  - Âm li, loa;
  - Micro.
  - Thiết bị chuyên môn

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Nước sơn	Lọ	05	
2	Cọ vẽ	Chiếc	15	Nhiều loại
3	Nước tẩy móng tay	Lọ	02	
4	Gel màu	Lọ	02	
5	Dũa móng tay	Chiếc	03	Nhiều loại
6	Máy làm khô móng tay	Chiếc	01	
7	Móng giả	Bộ	06	

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
8	Bồn ngâm móng	Chiếc	03	
9	Thau nhỏ	Chiếc	04	
10	Gel làm mềm da	Lọ	03	
11	Khăn bông	Chiếc	03	
12	Bộ in móng tay hàn quốc	Bộ	04	

### 3. Học liệu

- Giáo trình Chăm sóc và nghệ thuật móng;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

## V. Nội dung và phương pháp đánh giá

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Thực hành: Sinh viên tự thiết kế mẫu móng theo từng kỹ thuật được yêu cầu.

### 2. Nội dung chương đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Có hiểu biết về móng, về ngành nghề làm móng
  - + Có hiểu biết về các loại hóa chất sử dụng, phương pháp sử dụng
  - + Phân biệt được các kỹ thuật làm móng khác nhau.
- Kỹ năng :
  - + Có thể thực hiện được các mẫu móng theo như yêu cầu.
- Thái độ:
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng mô đun;
  - + Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

## VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

### 1. Phạm vi áp dụng chương trình:

Mô đun được giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề chăm sóc sắc đẹp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy mô đun:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:

- Thực hành trên các mô hình giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học

- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử..

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

Trọng tâm mô đun là các Bài 1,2, 3

4. Tài liệu tham khảo:

- Habia nail forum– Nguyên tắc nghề nghiệp cho ngành làm móng, 2007
- Chương trình đào tạo nghề của World Nail School

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Nối mi thẩm mỹ

**Mã mô đun:** MĐ 14

**Thời gian thực hiện mô đun:** 150 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 127 giờ; Kiểm tra: 8 giờ)

### I. Vị trí, tính chất mô đun:

- Vị trí: Là môn học được tổ chức giảng dạy sau các môn học cơ sở nghề và song song với các môn học chuyên môn nghề; Môn học được bố trí sau môn học MH 14.

- Tính chất: Là môn học chuyên môn nghề bắt buộc.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Kiến thức về sự phát triển lông mi tự nhiên, các bệnh về mi

+ Nguyên tắc kỹ thuật nối mi

+ Các kỹ thuật nối mi: mi lựa dạng sợi, mi lựa dạng chùm, Light, màu

+ Cách Uốn mi 2D, 3D, 6D công nghệ Hàn Quốc, Thái, uốn mi collagen siêu dưỡng chất

- Kỹ năng:

+ Biết cách tạo dạng mi đẹp, phù hợp từng kiểu mắt

+ Cách khắc phục, xử lý các sai sót trong quá trình nối mi và chăm sóc khách hàng sau khi nối;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, sáng tạo trong học tập, thực hiện đúng tiến độ qui định.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung chương tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên Chương trong môđun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Cấu tạo của mi người, các bệnh về mi	4	3		1
2	Chương 2: Nguyên tắc cơ bản của kỹ thuật nối mi	4	3		1
3	Chương 3: Các kỹ thuật nối mi	78	5	70	3
5	Chương 4: Kỹ thuật uốn mi	64	4	57	3
<b>Cộng</b>		<b>150</b>	<b>15</b>	<b>127</b>	<b>8</b>

2. Nội dung chương chi tiết:

## **Chương 1: Cấu tạo của mi người, các bệnh về mi**

Thời gian: 4 giờ

### *Mục tiêu:*

- Nắm được kiến thức về cấu tạo mi
- Các bệnh về mi và cách xử lý

### *Nội dung chương:*

- 1.1. Sự phát triển của lông mi tự nhiên
- 1.2. Các bệnh về mi: Viêm bờ mi, dị ứng, đỏ mắt, cay mắt

## **Chương 2: Nguyên tắc cơ bản của kỹ thuật nối mi**

Thời gian: 4 giờ

### *Mục tiêu:*

- Nắm được nguyên tắc cơ bản của kỹ thuật nối mi.
- Cách chọn vật liệu.

### *Nội dung chương:*

- 2.1. Mi nhẹ, có độ dài, độ dày và độ cong phù hợp với lông mi tự nhiên
- 2.2. Keo nối mi phải phù hợp với tay nghề thợ nối mi
- 2.3. Không bị dính mi
- 2.4. Không cắm mi vào bờ mi

## **Chương 3: Các kỹ thuật nối mi**

Thời gian: 78 giờ

### *Mục tiêu:*

- Nắm được kiến thức cơ bản về nối mi, các loại nối mi.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật nối mi.

### *Nội dung chương:*

- 3.1. Vai trò của mi nối
- 3.2. Tìm hiểu về mi tự nhiên
- 3.3. Các bệnh lý liên quan đến mắt do nối mi, uốn mi
- 3.4. Các kiến thức về mi nối
- 3.5. Nối mi Classic chuẩn quốc tế
- 3.6. Nối mi ấn tượng với các dáng mi khác nhau
- 3.7. Hướng dẫn cách sử dụng tất cả lông mi và các dụng cụ nối mi
- 3.8. Kỹ thuật nối mi lựa dạng sợi
- 3.9. Kỹ thuật nối mi lựa dạng chùm
- 3.10. Kỹ thuật nối mi Light
- 3.11. Kỹ thuật nối mi màu
- 3.12. Cách tạo dạng mi đẹp, phù hợp từng kiểu mắt
- 3.13. Cách tháo gỡ mi, bảo quản keo mi, lựa chọn mi
- 3.14. Cách khắc phục, xử lý các sai sót trong quá trình nối mi
- 3.15. Cách chăm sóc khách hàng sau khi nối
- 3.16. Chăm sóc sau nối mi

## Chương 4: Kỹ thuật uốn mi

Thời gian: 64 giờ

### Mục tiêu:

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật uốn mi.

### Nội dung chương:

- 4.1. Uốn mi 2D
- 4.2. Uốn mi, 6D công nghệ Hàn Quốc
- 4.3. Uốn mi collagen siêu dưỡng chất
- 4.4. Uốn mi 6D collagen Thái

## IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học lý thuyết và thực hành
2. Trang thiết bị, dụng cụ
  - Máy chiếu projector;
  - Máy vi tính;
  - Âm li, loa;
  - Micro.
  - Thiết bị chuyên môn:

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Keo nối mi	Tip	05	Nhiều loại
2	Kem gỡ mi	Lọ	01	
3	Sáp tháo mi	Lọ	02	
4	Gel tháo mi	Tip	01	
5	Nước rửa dụng cụ	Lọ	01	
6	Miếng dán dưới mắt	Miếng	06	
7	Nhíp gấp mi	Chiếc	03	
8	Mi giả	Chiếc	06	
9	Chổi chải mi	Chiếc	03	
10	Chổi gỡ mi	Chiếc	03	
11	Băng dính nối mi	Cuộn	03	
12	Bóng bóp khô mi	Chiếc	03	
13	Găng tay vô khuẩn	Hộp	03	

### 3. Học liệu

- Giáo trình Nối mi thẩm mỹ;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành..

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Đánh giá trong quá trình học: Kiểm tra theo hình thức: Bài tập thảo luận nhóm, bài kiểm tra viết (Tự luận và trắc nghiệm).

- Đánh giá cuối môn học: Bài thi theo hình thức: Bài tập thực hành và bài thi Viết (Tự luận, Trắc nghiệm)

### 2. Nội dung chương đánh giá:

- Kiến thức:

+ Kiến thức về sự phát triển lông mi tự nhiên, các bệnh về mi.

+ Uốn mi 2D, 3D, 6D công nghệ Hàn Quốc, Thái, uốn mi collagen siêu dưỡng chất

- Kỹ năng :

+ Kỹ thuật nối mi: mi lựa dạng sợi, mi lựa dạng chùm, Light, màu

+ Khắc phục, xử lý các sai sót trong quá trình nối mi và chăm sóc khách hàng sau khi nối.

- Thái độ:

+ Tham gia đầy đủ thời lượng mô đun;

+ Tư duy, sáng tạo trong học tập.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:**

### 1. Phạm vi áp dụng chương trình:

Mô đun được giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề chăm sóc sắc đẹp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy mô đun:

+ Giáo viên trình bày lý thuyết trên lớp những phần căn bản và trọng tâm.

+ Giáo viên hướng dẫn sinh viên thực hành nghiệp vụ trên lớp trên nền tảng lý thuyết đã học.

+ Giáo viên gợi mở và hướng dẫn những nội dung mở rộng cần nghiên cứu, sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập để tìm hiểu thêm và củng cố kiến thức đáp ứng yêu cầu kiểm tra của giáo viên..

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

Trọng tâm mô đun là các Chương 3, 4.

### 4. Tài liệu tham khảo:

- <http://vietbeautymag.com/ky-thuat-noi-mi-tu-don-gian-den-hoan-thien/>

- <http://tienthanhbeauty.com/products/giao-trinh-noi-mi-uon-mi-co-ban-den-nang-cao>.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: Phun thêu thẩm mỹ**

**Mã mô đun: MĐ 15**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 105 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành: 80 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun Phun thêu thẩm mỹ là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình môn học, mô đun đào tạo trình độ Trung cấp Chăm sóc sắc đẹp.

- Tính chất: Mô đun Phun thêu thẩm mỹ là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên người mẫu.

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Kiến thức:

- + Nhận thức được vai trò đạo đức của người chuyên viên Phun thêu thẩm mỹ.
- + Hiểu được tác phong chuyên nghiệp của chuyên viên Phun thêu thẩm mỹ.
- + Hiểu được kiến thức chăm sóc da cơ bản.
- + Đảm bảo an toàn và vệ sinh trong quá trình làm đẹp cho khách hàng.
- + Hiểu được kiến thức lý thuyết phun thêu thẩm mỹ.
- + Phân tích được các loại mày, mắt, môi.

- Kỹ năng:

- + Lựa chọn được mỹ phẩm phù hợp với từng loại mày, mắt, môi.
- + Thực hiện thành thạo các thao tác Kỹ thuật vẽ, khắc, tạo sợi vi điểm.
- + Thực hiện thành thạo các thao tác tạo màu và loại bỏ khuyết điểm.
- + Thực hiện công tác an toàn và vệ sinh trong quá trình chăm sóc khách hàng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Chăm thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng.
- + Rèn luyện kỹ năng chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- + Không ngừng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng với yêu cầu của nghề Phun thêu thẩm mỹ.
- + Yêu ngành, yêu nghề; thái độ học tập tích cực; rèn luyện nỗ lực.

### **III. Nội dung mô đun:**

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các Chương trong mô đun	Thời gian			
		Tổng Số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Khái niệm về ngành phun thêu thẩm mỹ và kỹ thuật định dạng và tạo khối	5	3	2	0
2	Cách sử dụng máy phun thêu, kim	10	3	7	0
3	Phun thêu chân mày	15	2	13	0
4	Phun thêu mí mắt	15	2	13	0
5	Phun môi	15	2	13	0
6	Tạo sợi vi điểm, tách sợi vi điểm, liên kết vi điểm	15	3	12	0
7	Cách mix mực chuẩn	15	3	12	0
8	Kỹ thuật loại bỏ khuyết điểm	10	2	8	0
9	Kiểm tra	5	0	0	5
<b>Cộng</b>		<b>105</b>	<b>20</b>	<b>80</b>	<b>5</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài 1: Khái niệm về ngành Phun thêu thẩm mỹ và kỹ thuật định dạng và tạo khối**

Thời gian: 5 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Xác định được các bộ phận của chân mày;
- Các phương pháp vẽ, tạo bóng chân mày;
- Thực hành vẽ các dạng chân mày.

#### *Nội dung bài:*

1.1. Các bộ phận của chân mày và cách vẽ chân mày chuẩn trên giấy: vị trí, tính đối xứng

1.2. Cách vẽ chân mày phù hợp với từng khuôn mặt: hình dạng, độ dài, độ dày và hướng của chân mày

1.3. Cách xác định các số đo cụ thể phù hợp với từng chân mày

1.4. Phương pháp cẽ chân mày và các dạng chân mày: chân mày vồng, chân mày ngang, chân mày tự nhiên, chân mày xếch,...

1.5. Phương pháp tạo bóng cho chân mày

1.6. Thực hành vẽ các dạng chân mày trên giấy

1.7. Thực hành vẽ các dạng chân mày trên người thật

### **Bài 2: Cách sử dụng máy phun thêu, kim**

Thời gian: 10 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Giới thiệu các dụng cụ, thiết bị về Phun thêu thẩm mỹ;
- Thao tác và sử dụng tốt các thiết bị dụng cụ của nghề.

*Nội dung bài:*

- 2.1. Các dụng cụ và máy móc trong khóa học
- 2.2. Hướng dẫn sử dụng máy phun xăm, kim
- 2.3. Máy phun xăm
- 2.4. Máy phun thêu
- 2.5. Kim, bông gòn, đầu ngòi, hũ mực
- 2.6. Kim thêu, kim 1, 3

### **Bài 3: Phun thêu chân mày**

Thời gian: 15 giờ

*Mục tiêu:*

- Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ trước khi thực hiện;
- Hiểu và nắm rõ các phương pháp sử dụng tê hiệu quả;
- Hiểu và thực hiện các kỹ thuật pha mực chân mày;
- Hiểu và thực hiện các kỹ thuật phun thêu chân mày.

*Nội dung bài:*

- 3.1. Phương pháp sử dụng tê hiệu quả:
  - 3.1.1. Nhận dạng các loại tê đang có trên thị trường
  - 3.1.2. Kỹ thuật tiên tiến sử dụng tê bôi, tê dán, không chích tê, không đau, không sưng, không chảy máu
  - 3.1.3. Kỹ thuật ủ tê, gây tê
  - 3.1.4. Cách sử dụng tê sao cho hiệu quả
- 3.2. Kỹ thuật pha mực chân mày:
  - 3.2.1. Kỹ thuật pha màu mực theo màu lông mày của khách hàng
  - 3.2.2. Kỹ thuật pha màu mực theo từng loại da của khách hàng: da khô, da nhờn, da hỗn hợp...
  - 3.2.3. Kỹ thuật pha màu mực khi khách hàng không có lông mày
  - 3.2.4. Kỹ thuật pha màu mực khi khách hàng có chân mày bị xăm hỏng
  - 3.2.5. Cách pha màu mực cho chân mày: Nâu Đen, Nâu Xám, Nâu Đậm, Nâu Lợt, Nâu Đỏ, Nâu café sữa, Nâu Chocolate, Nâu Rêu.
- 3.3. Kỹ thuật phun thêu chân mày:
  - 3.3.1. Kỹ thuật vẽ, định dạng, tạo khối, tạo bóng chân mày
  - 3.3.2. Các bộ phận của chân mày và cách vẽ chân mày chuẩn trên giấy: vị trí của chân mày, tính đối xứng
  - 3.3.3. Cách vẽ chân mày phù hợp với từng khuôn mặt: hình dạng, độ dày, độ dài, hướng chân mày
  - 3.3.4. Các số đo cụ thể phù hợp cho từng chân mày
  - 3.3.5. Phương pháp vẽ chân mày, các dạng chân mày: chân mày tự nhiên, chân mày ngang, chân mày xéch, chân mày cong

3.3.6. Phương pháp tạo bóng cho chân mày

3.3.7. Thực hành vẽ chân mày trên giấy

3.3.8. Thực hành vẽ chân mày trên người mẫu thật

3.3.9. Kỹ thuật đi khung sắc nét

3.3.10. Kỹ thuật Phun Xăm chân mày: phun lụa (silk tattoo)

3.3.11. Kỹ thuật Phun Xăm chân mày cho từng loại da

3.3.12. Kỹ thuật Phun Thêu chân mày: Thêu đơn, thêu kép, thêu xương cá, thêu kiểu Châu Âu.

3.3.13. Kỹ thuật Phun Thêu chân mày cho từng loại da

#### **Bài 4: Phun thêu Mí mắt**

Thời gian: 15 giờ

*Mục tiêu:*

- Hiểu và thao tác tốt kỹ thuật pha màu mặc mí mắt
- Hiểu và thao tác tốt kỹ thuật phun thêu mí mắt

*Nội dung bài:*

4.1. Phương pháp pha màu mực Mí mắt:

4.1.1. Kỹ thuật pha màu mực đen tuyền

4.1.2. Kỹ thuật pha màu mực cho mắt bị xăm hồng

4.1.3. Bí quyết pha màu mắt đen tự nhiên và long lanh

4.2. Kỹ thuật phun thêu Mí mắt:

4.2.1. Kỹ thuật vẽ các dạng mắt nước

4.2.2. Kỹ thuật phun mí mắt đẹp trên khách thật

4.2.3. Kỹ thuật tạo nét mí trên và mí dưới

4.2.4. Kỹ thuật Phun Xăm mí mắt: Mí trên, mí dưới

4.2.5. Kỹ thuật Điều khắc 3D mí mắt

#### **Bài 5: Phun môi**

Thời gian: 15 giờ

*Mục tiêu:*

- Nhận biết được cọ râu trong Vẽ móng nghệ thuật;
- Biết được cách sử dụng cọ râu và những ứng dụng của cọ râu trong vẽ móng nghệ thuật;
- Thành thạo vẽ các loại hoa bằng cọ râu.

*Nội dung bài:*

5.1. Phương pháp pha màu mực Môi:

5.1.1. Kỹ thuật pha màu mực theo màu môi tự nhiên của khách hàng (khách hàng trẻ tuổi có nước da trắng, khách hàng trẻ tuổi có nước da ngăm, khách hàng tuổi trên 35, khách hàng tuổi trên 60, khách hàng ở xứ lạnh...)

5.1.2. Bảng màu phun xăm đẹp tự nhiên

5.1.3. Kỹ thuật pha màu mực tạo nền cho môi bị thâm

5.1.4. Kỹ thuật ủ màu mực cho môi

5.1.5. Cách pha màu mực cho môi: Hồng Da, Hồng Nâu, Hồng Sen, Cam Hồng, Cam Đỏ, Cam Vàng, Cam, Cam Lợt, Cam Da, Hồng, Hồng Đỏ

5.2. Kỹ thuật phun môi cơ bản:

5.2.1. Kỹ thuật định hình tạo một dáng môi đẹp

5.2.2. Kỹ thuật Phun Xăm viền môi

5.2.3. Kỹ thuật Phun Thêu Điều Khắc 3D viền môi

5.2.4. Kỹ thuật Phun môi

**Bài 6: Tạo sợi vi điểm, tách sợi vi điểm, liên kết vi điểm** Thời gian: 15 giờ

*Mục tiêu:*

- Nhận biết được cách vẽ chân mày phù hợp với từng khuôn mặt;
- Thành thạo các kỹ thuật phun thêu trên chân mày 3D;
- Thành thạo cách pha màu mực cho phun thêu chân mày.

*Nội dung bài:*

6.1. Cách vẽ chân mày phù hợp với từng khuôn mặt: hình dạng, độ dày, độ dài, hướng của chân mày

6.2. Kỹ thuật phun thêu tạo sợi trên chân mày 3D

6.3. Kỹ thuật phun thêu miều chân mày 3D

6.4. Kỹ thuật tạo sợi trên chân mày 6D

6.5. Kỹ thuật phun thêu khắc roi chân mày nam (Công nghệ Micro Touch)

6.6. Kỹ thuật chỉnh sửa chân mày: Chân mày mỏng, chân mày quá dày, khoảng cách giữa hai chân mày cách xa nhau hoặc gần nhau.

6.7. Cách pha màu mực cho phun thêu chân mày: Nâu Đen, Nâu Xám, Nâu Đậm, Nâu Lợt, Nâu Đỏ, Nâu Café Sữa, Nâu Chocolate, Nâu Rêu.

**Bài 7: Cách mix mực chuẩn**

Thời gian: 15 giờ

*Mục tiêu:*

- Nắm vững và thao tác tốt kỹ thuật pha màu mực phun thêu chân mày;
- Nắm vững và thao tác tốt kỹ thuật pha màu mực phun thêu mí mắt;
- Nắm vững và thao tác tốt kỹ thuật pha màu mực phun thêu môi;
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ khi thực hiện các thao tác; đảm bảo an toàn và vệ sinh thẩm mỹ.

*Nội dung bài:*

7.1. Pha màu mực phun thêu chân mày thẩm mỹ:

7.1.1. Kỹ thuật pha màu mực phun thêu theo màu lông mày của khách hàng

7.1.2. Kỹ thuật pha màu mực phun thêu theo từng loại da của khách hàng:  
da khô, da nhờn, da hỗn hợp...

7.1.3. Kỹ thuật pha màu mực phun thêu khi khách hàng không có lông mày

7.1.4. Kỹ thuật pha màu mực phun thêu khi khách hàng có chân mày bị  
thêu hư

7.1.5. Cách pha màu mực phun thêu cho chân mày: Nâu Đen, Nâu Xám,  
Nâu Đậm, Nâu Lợt, Nâu Đỏ, Nâu Café Sữa, Nâu Chocolate, Nâu Rêu.

7.2. Pha màu mực phun thêu mí mắt thẩm mỹ:

7.2.1. Kỹ thuật pha màu mực phun thêu đen tuyền

7.2.2. Kỹ thuật pha màu mực phun thêu theo màu lông mày của khách hàng

7.3. Pha màu mực phun thêu môi thẩm mỹ:

7.3.1. Kỹ thuật pha màu mực phun thêu theo màu môi tự nhiên của khách  
hàng

7.3.2. Kỹ thuật pha màu mực phun thêu tạo nền cho môi bị thâm

7.3.3. Kỹ thuật ủ màu mực phun thêu cho môi

7.3.4. Cách pha màu mực phun thêu cho môi: Hồng Da, Hồng Nâu, Hồng  
Sen, Cam Hồng, Cam Đỏ, Cam Vàng, Cam, Cam Lợt, Cam Da, Hồng, Hồng  
Đỏ...

## **Bài 8: Kỹ thuật loại bỏ khuyết điểm**

Thời gian: 10 giờ

*Mục tiêu:*

- Nắm vững những điều cần tránh khi phun thêu;
- Học cách xử lý màu mực phun khi đưa lên da;
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ khi thực hiện các thao tác; đảm bảo an toàn và vệ sinh thẩm mỹ.

*Nội dung bài:*

8.1. Những điều cần nên tránh khi phun thêu, phun thêu 3D, điêu khắc chân  
mày, mắt, môi và hồng nhũ hoa.

8.2. Khách hàng bị mẫn ngứa

8.3. Khách có da khó ăn màu

8.4. Học cách xử lý màu mực phun xăm khi đã đưa lên da.

## **IV. Điều kiện thực hiện mô đun:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành.

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu:

+ Giáo trình lý thuyết, giáo an, bài giảng, đề cương môn học;

+ Các bài tập thực hành;

+ Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu:

+ Bộ sản phẩm phun thêu thẩm mỹ

3. Các điều kiện khác:.....

## **V. Phương pháp và nội dung đánh giá:**

1. Phương pháp đánh giá:

- Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm

- Phương pháp kiểm tra tự luận

- Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:

+ Nhận thức được vai trò đạo đức của người chuyên viên Phun thêu thẩm mỹ

+ Hiểu được tác phong chuyên nghiệp của chuyên viên Phun thêu thẩm mỹ

+ Hiểu được kiến thức chăm sóc da cơ bản

+ Đảm bảo an toàn và vệ sinh trong quá trình làm đẹp cho khách hàng

+ Hiểu được kiến thức lý thuyết phun thêu thẩm mỹ.

+ Phân tích được các loại mày, mắt, môi.

- Kỹ năng:

+ Lựa chọn được mỹ phẩm phù hợp với từng loại mày, mắt, môi

+ Thực hiện thành thạo các thao tác kỹ thuật vẽ, khắc, tạo sợi vi điểm

+ Thực hiện thành thạo các thao tác tạo màu và loại bỏ khuyết điểm

+ Thực hiện công tác an toàn và vệ sinh trong quá trình chăm sóc khách hàng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên

+ Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:**

### 1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun được giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăm sóc sắc đẹp.

### 2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Đối với người học: Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

- Nhận dạng trang thiết bị; dụng cụ, đồ nghề Phun thêu thẩm mỹ

- Thành thạo công dụng, cách dùng trang thiết bị, dụng cụ, nghề Phun thêu thẩm mỹ

### 5. Tài liệu tham khảo:

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.

- Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.

- Giáo trình của Shisido Nhật Bản.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học : Thực tập tốt nghiệp**

**Mã môn học: MH 16**

**Thời gian thực hiện môn học:** 240 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 215 giờ; Kiểm tra: 10 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất môn học:**

- Vị trí: Thực tập tốt nghiệp là môn học được thực hiện sau tất cả các môn chuyên môn của nghề tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp và là cơ sở để xét tốt nghiệp cho người học trước khi ra trường.

- Tính chất: Đây là môn thực hành, thực hành chuyên ngành tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp, tiếp cận với thực tiễn công tác chăm sóc sắc đẹp tại các salon, spa. Nâng cao nhận thức về chuyên môn nghiệp vụ, thực tập thành thạo kỹ năng thực hành các công việc, để sau khi tốt nghiệp có khả năng tay nghề vững vàng trong thực hiện tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp cho khách hàng.

### **II. Mục tiêu môn học:**

- Kiến thức:

+ Khái quát được các khái niệm và các quy trình chăm sóc da, tóc, móng

+ Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để thực hành trong các spa, salon chuyên nghiệp.

+ Vận dụng được kỹ năng nghề trong thực hiện các công tác quản trị cơ sở làm đẹp.

- Kỹ năng:

+ Tự thực hiện được các kiểu mẫu theo như yêu cầu.

+ Tự thiết kế được các kiểu mẫu làm đẹp theo các chủ đề cho trước

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ luật doanh nghiệp do Nhà nước ban hành, các quy định của tổ chức kinh doanh

+ Có tác phong công nghiệp, năng động, sáng tạo và có tính tự lập cao.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe và trách nhiệm khi thực hiện công việc sau này tại các doanh nghiệp.

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm tại các cơ sở làm đẹp.

### **III. Nội dung môn học:**

1. Nội dung chương tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	<b>Thực tập cơ bản</b> Hướng dẫn ban đầu về tìm hiểu về cơ sở làm đẹp Hướng dẫn ban đầu về tìm hiểu các hoạt động của cơ sở làm đẹp Hướng dẫn ban đầu về phương pháp viết báo cáo thực tập tốt nghiệp	40	5	35	
2	<b>Thực tập thực hành tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp</b> Tìm hiểu về tình hình cơ bản của cơ sở làm đẹp Thực tập tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp trong spa, salon	190	10	180	
3	Viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp	10			10
<b>Cộng</b>		<b>240</b>	<b>15</b>	<b>215</b>	<b>10</b>

## 2. Nội dung chương chi tiết:

### **Phần 1: Thực tập cơ bản**

Thời gian: 40 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Tiếp cận được hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức của cơ sở làm đẹp
- Trình bày được phong cách chủ đạo, các yếu tố thu hút khách hàng của cơ sở làm đẹp
- Viết được đề cương báo cáo thực tập tốt nghiệp

#### *Nội dung:*

- Hướng dẫn ban đầu về tìm hiểu tình hình cơ bản của cơ sở làm đẹp
- Những thuận lợi, khó khăn chủ yếu ảnh hưởng tới tình hình kinh doanh của cơ sở trong thời kỳ hiện nay.
- Hướng dẫn ban đầu về các chuyên đề về tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp
- Hướng dẫn ban đầu về phương pháp viết khoá luận thực tập tốt nghiệp

### **Phần 2: Thực hành tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp**

Thời gian: 190 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Thực hành các công việc tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp
- Rèn luyện đức tính nghề nghiệp của chuyên viên làm đẹp: tận tâm, trung thực.
- Viết được chuyên đề thực tập tốt nghiệp

*Nội dung của báo cáo:*

\* **Phần mở đầu:** (khoảng 1 đến 2 trang) gồm:

- Tính cấp thiết của đề tài, ý nghĩa khoa học và thực tiễn.
- Mục đích nghiên cứu.
- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.
- Nội dung khái quát của báo cáo (viết tên các chương).

\* **Phần nội dung chính:** gồm 3 chương

**Chương 1: Tổng quan về đơn vị thực tập.**

- Đặc điểm tình hình của cơ sở làm đẹp.
- Lý luận chung về vấn đề nghiên cứu.

**Chương 2: Thực trạng vấn đề nghiên cứu của đơn vị thực tập** (từng vấn đề nghiên cứu cụ thể).

**Chương 3: Phương hướng và các giải pháp hoàn thiện những vấn đề tồn tại thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài.**

\* **Phần kết luận:** (khoảng 1 đến 2 trang) khẳng định những kết quả đã đạt được (đối chiếu với mục đích nghiên cứu).

- **Nội dung thực tập tốt nghiệp**

\* **Đặc điểm tình hình của cơ sở làm đẹp.**

- Lịch sử phát triển, chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của cơ sở.
- Vai trò, vị trí kinh tế của cơ sở trong tổng quan ngành.
- Cơ cấu tổ chức quản lý kinh doanh của cơ sở làm đẹp.
- Tình hình hoạt động tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp của cơ sở.

\* **Nội dung thực tập chuyên môn.**

**Viết báo cáo thực tập tốt nghiệp**

Thời gian: 10 giờ

**IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- Quyết định thực hành nghề nghiệp của Hiệu trưởng.
- Nội dung thực tập; đề cương thực tập, giáo án.
- Cơ sở thực tập.

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

- Được đánh giá qua kết quả báo cáo thực tập tốt nghiệp.
- Ý thức thực tập tại cơ sở.

**VI. Hướng dẫn thực hiện mô16.2.đơn:**

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

- Chương trình môn học được sử dụng cho trình độ trung cấp nghề chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Giáo viên hướng dẫn phân thực tập cơ bản, người học thực hiện thực tập công tác tại cơ sở thực tập

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào từng nội dung của đề cương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình, hướng dẫn thực tập để đảm bảo chất lượng

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Chăm sóc sắc đẹp và sức khỏe
- Chăm sóc và tạo mẫu móng
- Chăm sóc và tạo mẫu tóc
- Cách viết báo cáo thực tập tốt nghiệp.

4. Tài liệu cần tham khảo:

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Chăm sóc da nâng cao

**Mã mô đun:** MĐ 17

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun Chăm sóc da nâng cao là mô đun chuyên môn nghề giúp học sinh hiểu và thành thạo được những bước điều trị da, sau khi nắm rõ và phân loại được các loại da

- Tính chất: Mô đun Chăm sóc da nâng cao được thực hiện trong chương trình đào tạo Trung cấp, nghề Chăm sóc sắc đẹp.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Nguyên nhân và đặc trưng của các vấn đề về da;

+ Học sinh phải tích lũy đủ số giờ học theo quy định. Tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết và thực hành;

+ Trình bày được các bệnh lý về da;

+ Trình bày được các thuốc bôi ngoài da.

- Kỹ năng:

+ Thực hành điều trị được các bệnh lý về da;

+ Ứng dụng được Thuốc bôi ngoài da;

+ Học sinh phải có được tính cẩn thận và sáng tạo trong các buổi học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các Chương trong mô đun	Thời gian			
		Tổng Số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra *
1	Mô học về da	1	1		
2	Đại cương về bệnh da và hoa liễu	1	1		
3	Bệnh về da	5	1	4	
4	Thuốc bôi ngoài da	5	2	3	

Số TT	Tên các Chương trong mô đun	Thời gian			
		Tổng Số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
5	Điều trị nám da	6	2	4	
6	Điều trị mụn	6	2	4	
7	Điều trị da lão hóa	6	2	4	
8	Điều trị sẹo	6	2	4	
9	Điều trị da bị kích ứng	6	2	4	
10	Kiểm tra	3			3
<b>Cộng</b>		<b>45</b>	<b>15</b>	<b>27</b>	<b>3</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 1: Mô học về da

Thời gian: 1 giờ

#### Mục tiêu:

- Nắm được cấu tạo các lớp của da
- Trình bày được quy trình phát triển của tế bào da
- Nắm được phần phụ của da

#### Nội dung bài:

- 1.1. Cấu tạo lớp biểu bì
- 1.2. Cấu tạo lớp trung bì
- 1.3. Cấu tạo lớp hạ bì
- 1.4. Phần phụ của da

### Bài 2: Đại cương về bệnh da và hoa liễu

Thời gian: 1 giờ

#### Mục tiêu:

- Trình bày được tình hình bệnh da liễu trong nhân dân;
- Nắm được nguyên nhân hình thành bệnh lý của da;
- Trình bày được tác hại.

#### Nội dung bài:

- 2.1. Tình hình bệnh da liễu trong nhân dân
- 2.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý của da
- 2.3. Phương pháp phương hướng xây dựng ngành nghề

### Bài 3: Bệnh về da

Thời gian: 5 giờ

#### Mục tiêu:

- Trình bày được các loại bệnh về da;
- Nắm được nguyên nhân hình thành các bệnh lý;
- Trình bày được các biểu hiện các bệnh lý
- Phương pháp điều trị

#### Nội dung bài:

- 3.1. Bệnh rụng tóc:
  - 3.1.1. Biểu hiện
  - 3.1.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý
  - 3.1.3. Nguyên tắc điều trị
  - 3.1.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà
- 3.2. Vảy nến:
  - 3.2.1. Biểu hiện
  - 3.2.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý
  - 3.2.3. Nguyên tắc điều trị
  - 3.2.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà
- 3.3. Viêm da cơ địa:
  - 3.3.1. Biểu hiện
  - 3.3.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý
  - 3.3.3. Nguyên tắc điều trị
  - 3.3.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà
- 3.4. Mụn cơm
  - 3.4.1. Biểu hiện
  - 3.4.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý
  - 3.4.3. Nguyên tắc điều trị
  - 3.4.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà
- 3.5. Bệnh Zona
  - 3.5.1. Biểu hiện
  - 3.5.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý
  - 3.5.3. Nguyên tắc điều trị
  - 3.5.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà
- 3.6. Lang ben
  - 3.6.1. Biểu hiện
  - 3.6.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý
  - 3.6.3. Nguyên tắc điều trị
  - 3.6.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà
- 3.7. Tổ đũa
  - 3.7.1. Biểu hiện
  - 3.7.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý
  - 3.7.3. Nguyên tắc điều trị
  - 3.7.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà
- 3.8. Một số chứng bệnh khác

#### **Bài 4: Thuốc bôi ngoài da**

Thời gian: 5 giờ

##### *Mục tiêu:*

- Trình bày được nguồn gốc cơ chế của thuốc bôi ngoài da
- Trình bày được sự hấp thu của thuốc bôi ngoài da
- Trình bày được một số biệt dược bôi ngoài da

##### *Nội dung bài:*

- 4.1. Nguồn gốc của thuốc bôi ngoài da
- 4.2. Cơ chế tác dụng của thuốc bôi ngoài da
- 4.3. Sự hấp thu của thuốc bôi ngoài da
- 4.4. Một số biệt dược thuốc bôi ngoài da
- 4.5. Một số chú ý khi dùng thuốc bôi ngoài da

#### **Bài 5: Điều trị nám da**

Thời gian: 6 giờ

##### *Mục tiêu:*

- Nắm được biểu hiện da nám
- Trình bày được nguyên nhân hình thành da nám
- Trình bày được các hoạt chất làm giảm hắc tố

##### *Nội dung bài:*

- 5.1. Biểu hiện của da nám
- 5.2. Nguyên nhân hình thành da nám
- 5.3. Nguyên tắc điều trị da nám
- 5.4. Hoạt chất làm giảm hắc tố
- 5.5. Các phương pháp điều trị da nám
- 5.6. Điều trị bằng mỹ phẩm
- 5.7. Điều trị bằng công nghệ cao

#### **Bài 6: Điều trị da mụn**

Thời gian: 6 giờ

##### *Mục tiêu:*

- Nắm được biểu hiện của da mụn
- Nắm được nguyên nhân hình thành da mụn
- Nắm được các cấp bậc của mụn
- Trình bày được các hoạt chất trong điều chế mỹ phẩm cho da dầu mụn

##### *Nội dung bài:*

- 6.1. Biểu hiện
- 6.2. Nguyên nhân hình thành
- 6.3. Nguyên tắc điều trị
- 6.4. Hoạt chất điều trị da mụn trong mỹ phẩm hiện nay
- 6.5. Hướng dẫn chăm sóc tại nhà



## **Bài 7: Điều trị da lão hóa**

Thời gian: 6 giờ

### *Mục tiêu:*

- Nắm được biểu hiện của da lão hóa
- Nắm được nguyên nhân hình thành da lão hóa
- Nắm được nguyên tắc phục hồi da lão hóa

### *Nội dung bài:*

- 7.1. Biểu hiện
- 7.2. Nguyên nhân hình thành
- 7.3. Nguyên tắc điều trị
- 7.4. Hoạt chất điều trị da lão hóa trong mỹ phẩm hiện nay
- 7.5. Hướng dẫn chăm sóc tại nhà

## **Bài 8: Điều trị sẹo**

Thời gian: 6 giờ

### *Mục tiêu:*

- Nắm được nguyên nhân hình thành sẹo
- Phân tích được quy trình hình thành sẹo
- Phân tích được các biện pháp điều trị sẹo

### *Nội dung bài:*

- 8.1. Phân loại sẹo
- 8.2. Nguyên nhân hình thành sẹo
- 8.3. Phương pháp điều trị sẹo
  - 8.3.1. Điều trị sẹo lõm
  - 8.3.2. Điều trị sẹo lồi
  - 8.3.3. Điều trị rạn da

## **Bài 9: Chăm sóc da bị kích ứng**

Thời gian: 6 giờ

### *Mục tiêu:*

- Nắm được nguyên nhân
- Phân tích được quy trình hình thành
- Phân tích được các biện pháp điều trị

### *Nội dung bài:*

- 9.1. Biểu hiện da bị kích ứng
- 9.2. Nguyên nhân hình thành da bị kích ứng
- 9.3. Phương pháp điều trị

## **IV. Điều kiện thực hiện mô đun:**

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học lý thuyết, Phòng học thực hành, Phòng tích hợp.
2. Trang thiết bị máy móc:
  - Máy soi da, tivi

- Máy tính, máy chiếu

### 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu:

+ Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;

+ Các bài tập thực hành;

+ Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu:

+ Bộ sản phẩm chăm sóc cho mọi loại da;

+ Bộ sản phẩm chăm sóc da tổn thương, wax lông, nguyên vật liệu, mỹ phẩm chăm sóc da.

## V. Phương pháp và nội dung đánh giá:

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm

- Phương pháp kiểm tra tự luận

- Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:

+ Các vấn đề về da

+ Chăm sóc mặt (các loại da)

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng điều trị các vấn đề của da

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên

+ Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

## VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

### 1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun được giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăm sóc sắc đẹp.

### 2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Đối với người học: Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

- Các bệnh lý về da

- Nguyên tắc điều trị các bệnh lý về da

5. Tài liệu tham khảo:

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.
- Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.
- Giáo trình của Shisido Nhật Bản.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên mô đun: Kỹ thuật trang điểm nâng cao**

**Mã mô đun: MĐ 18**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ: Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

### I. Vị trí, tính chất mô đun:

- Vị trí: Môn học trang điểm cơ bản được bố trí sau các môn học chung về đại cương

- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Nhận thức được vai trò đạo đức của người nhân viên chăm sóc sắc đẹp, trang điểm thẩm mỹ.;

+ Hiểu được đạo đức, tác phong chuyên nghiệp của nhân viên chăm sóc sắc đẹp, trang điểm thẩm mỹ;

+ Hiểu được kiến thức trang điểm theo dạng khuôn mặt: trang điểm cơ bản;

+ Phân tích được loại da, chăm sóc da trước và sau khi trang điểm

- Kỹ năng:

+ Nhận dạng và mô tả được quá trình chỉnh sửa khuyết điểm theo dạng khuôn mặt.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nghiêm túc, tự giác trong học tập.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
1	Giới thiệu hai phong cách trang điểm đối lập	4	4		
2	Sắc nét và mềm mại	4	2	2	
3	Phong cách sắc sảo – Sharp Make up	10	2	7	1
4	Phong cách mềm mại – Soft Make up	10	2	7	1
5	Các phong cách trang điểm	15	3	11	1
6	Ôn tập.	2	2		
<b>Cộng</b>		<b>45</b>	<b>15</b>	<b>27</b>	<b>3</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### **Bài 1: Giới thiệu hai phong cách trang điểm đối lập** Thời gian: 4 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng của hai phong cách trang điểm đối lập, cơ bản từ đó tạo nền tảng cho những phong cách trang điểm đa dạng khác

#### *Nội dung bài:*

- 1.1. Hình dáng màu sắc và ấn tượng

### **Bài 2: Sắc nét và mềm mại**

Thời gian: 4 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng cơ bản của hai phong cách trang điểm chính.

#### *Nội dung bài:*

- 2.1. Mối tương quan giữa đường nét và ấn tượng trên khuôn mặt
- 2.2. Sự tương quan giữa các màu
- 2.3. Tỷ lệ chuẩn của khuôn mặt
- 2.5. Tỷ lệ từng vùng
- 2.5. Ấn tượng tạo cho từng bộ phận trên khuôn mặt
- 2.6. Trụ sở đồ ấn tượng của khuôn mặt
- 2.7. Đánh lừa thị giác
- 2.8. Màu sắc học

### **Bài 3: Phong cách sắc sảo – Sharp Make up**

Thời gian: 10 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng của phong cách trang điểm sắc sảo

#### *Nội dung chương:*

- 3.1. Trang điểm sắc sảo
- 3.2. Những đường trên khuôn mặt sắc nét
- 3.3. Các công đoạn trang điểm tạo ấn tượng sắc nét:
  - 3.3.1. Màu mắt, viền mắt và mascara
  - 3.3.2. Lông mày
  - 3.3.3. Môi
  - 3.3.4. Má

### **Bài 4: Phong cách mềm mại – Soft Make up**

Thời gian: 10 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng của phong cách trang điểm mềm mại

*Nội dung chương:*

- 4.1. Trang điểm mềm mại
- 4.2. Điểm nhấn trang điểm mang phong cách mềm mại
- 4.3. Công đoạn trang điểm tạo ấn tượng mềm mại
  - 4.3.1. Màu mắt, viền mắt và mascara
  - 4.3.2. Lông mày
  - 4.3.3. Môi
  - 4.3.4. Má

**Bài 5: Các phong cách trang điểm**

Thời gian: 15 giờ

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng của phong cách trang điểm thông dụng

*Nội dung chương:*

- 5.1. Giới thiệu về 8 phong cách trang điểm
- 5.2. Phong cách ngọt ngào
  - 5.2.1. Từ ngữ cho hình ảnh
  - 5.2.2. Hình dáng của hình ảnh
  - 5.2.3. Màu sắc của hình ảnh
  - 5.2.4. Gương mặt phù hợp
  - 5.2.5. Công đoạn trang điểm cho phong cách ngọt ngào:
- 5.3. Phong cách thể thao
  - 5.3.1. Từ ngữ cho hình ảnh
  - 5.3.2. Hình dáng của hình ảnh
  - 5.3.3. Màu sắc của hình ảnh
  - 5.3.4. Gương mặt phù hợp
  - 5.3.5. Công đoạn trang điểm cho phong cách thể thao:
- 5.4. Phong cách quyến rũ:
  - 5.4.1. Từ ngữ cho hình ảnh
  - 5.4.2. Hình dáng của hình ảnh
  - 5.4.3. Màu sắc của hình ảnh
  - 5.4.4. Gương mặt phù hợp
  - 5.4.5. Công đoạn trang điểm cho phong cách quyến rũ:
- 5.5. Phong cách hoang dã:
  - 5.5.1. Từ ngữ cho hình ảnh
  - 5.5.2. Hình dáng của hình ảnh
  - 5.5.3. Màu sắc của hình ảnh
  - 5.5.4. Gương mặt phù hợp

5.5.5. Công đoạn trang điểm cho phong cách hoang dã:

5.6. Phong cách lãng mạn:

5.6.1. Từ ngữ cho hình ảnh

5.6.2. Hình dáng của hình ảnh

5.6.3. Màu sắc của hình ảnh

5.6.4. Gương mặt phù hợp

5.6.5. Công đoạn trang điểm cho phong cách lãng mạn:

5.7. Phong cách trẻ trung:

5.7.1. Từ ngữ cho hình ảnh

5.7.2. Hình dáng của hình ảnh

5.7.3. Màu sắc của hình ảnh

5.7.4. Gương mặt phù hợp

5.7.5. Công đoạn trang điểm cho phong cách trẻ trung:

5.8. Phong cách nữ tính:

5.8.1. Từ ngữ cho hình ảnh

5.8.2. Hình dáng của hình ảnh

5.8.3. Màu sắc của hình ảnh

5.8.4. Gương mặt phù hợp

5.8.5. Công đoạn trang điểm cho phong cách nữ tính:

## **Bài 6: Ôn tập – hoàn thiện kỹ năng**

Thời gian: 2 giờ

### **VI. Điều kiện thực hiện chương trình:**

1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.

3. Học liệu

- Giáo trình trang điểm cơ bản;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

### **V. Nội dung chương và phương pháp, đánh giá:**

1. Phương pháp đánh giá:

- Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

- Thực hành và kiểm tra thực hành đáp ứng yêu cầu từng bài học

2. Nội dung chương đánh giá:

*Kiến thức:*

+ Kiến thức cơ bản về các phương pháp chăm sóc da, dinh dưỡng cho da, phục hồi da

+ Kiến thức cơ bản về trang điểm chăm sóc sắc đẹp

+ Ứng dụng các hiểu biết của môn học với nghề nghiệp chăm sóc sắc đẹp

*Kỹ năng:* Ứng dụng các hiểu biết của môn học nghề nghiệp chăm sóc sắc đẹp và mở spa.

*Thái độ:*

+ Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô học;

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp chuyên ngành chăm sóc sắc đẹp;

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:

- Thực hành trên người thật giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp

- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử. Lý thuyết và thực hành đo cơ thể người trên lớp.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các chương: 3, 5, 7, 8

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình chăm sóc sắc đẹp và sức khỏe do nhà trường biên soạn

- Giáo trình chăm sóc sắc đẹp và sức khỏe của trung tâm thẩm mỹ BVĐK Quốc tế Thu Cúc. Xuất bản nội bộ năm 2016

- Trang điểm nâng cao (Tập đoàn giáo dục Sanko Gakuen Nhật Bản).

- Nghệ thuật trang điểm (NXB Văn hóa thông tin)

- Nghệ thuật trang điểm (NXB Phụ nữ)



## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: Massage body**

**Mã mô đun: MĐ 19**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun Massage body là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp Chăm sóc sắc đẹp

- Tính chất: Mô đun Massage body là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên người mẫu.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Thực hiện các thao tác chăm sóc body

+ Hiểu được nguyên lý và chiều hướng của các thao tác trong massage body.

+ Mục đích của việc quản lí từng phần cơ thể

- Kỹ năng:

+ Thành thạo thao tác chăm sóc body.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các Chương trong mô đun	Thời gian			
		Tổng Số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra *
1	Massage tay	10	4	6	
2	Massage chân	10	4	6	
3	Massage lưng	10	4	6	
4	Massage bụng và ngực	12	3	9	
5	Kiểm tra	3			3
<b>Cộng</b>		<b>45</b>	<b>15</b>	<b>27</b>	<b>3</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài 1: Massage tay**

Thời gian: 10 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Nắm được các thao tác massage tay.
- Hiểu được tác dụng và hiệu quả của massage tay.
- Thực hiện được các thao tác massage tay.

#### *Nội dung bài:*

- 1.1. Lý thuyết về cơ, các khối cơ và huyết đạo trên tay
- 1.2. Các bệnh lý về xương tay
- 1.3. Tác dụng và hiệu quả của massage thư giãn tay
- 1.4. Các thao tác massage tay
- 1.5. Thực hành massage tay.

### **Bài 2: Massage chân**

Thời gian: 10 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Nắm được các thao tác massage chân.
- Hiểu được tác dụng và hiệu quả của massage chân.
- Thực hiện được các thao tác massage chân.

#### *Nội dung bài:*

- 2.1. Lý thuyết về cơ, các khối cơ và huyết đạo trên chân
- 2.2. Các bệnh lý về xương chân
- 2.3. Tác dụng và hiệu quả của massage thư giãn chân
- 2.4. Các thao tác massage chân
- 2.5. Thực hành massage chân

### **Bài 3: Massage lưng**

Thời gian: 10 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Nắm được các thao tác massage lưng.
- Hiểu được tác dụng và hiệu quả của massage lưng.
- Thực hiện được các thao tác massage lưng

#### *Nội dung bài:*

- 3.1. Lý thuyết về cơ, các khối cơ và huyết đạo trên lưng
- 3.2. Các bệnh lý về xương lưng
- 3.3. Tác dụng và hiệu quả của massage thư giãn lưng
- 3.4. Các thao tác massage lưng
- 3.5. Thực hành massage lưng.

### **Bài 4: Massage bụng và ngực**

Thời gian: 12 giờ

#### *Mục tiêu:*

- Nắm được các thao tác massage vùng bụng và ngực.

- Hiểu được tác dụng và hiệu quả của massage vùng bụng và ngực
- Thực hiện được các thao tác massage vùng bụng và ngực.

*Nội dung bài:*

- 4.1. Lý thuyết về cơ, các khối cơ và huyết đạo vùng bụng và ngực
- 4.2. Những điều chú ý và điểm đặc biệt trong massage vùng bụng và ngực
- 4.3. Tác dụng và hiệu quả của massage vùng bụng và ngực.
- 4.4. Các thao tác massage vùng bụng và ngực.
- 4.5. Thực hành massage vùng bụng và ngực.

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết/ Phòng học thực hành/ Phòng tích hợp.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy soi da, tivi
- Máy tính, máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu:

- + Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- + Các bài tập thực hành;
- + Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu:

- + Bộ sản phẩm chăm sóc cho mọi loại da;
- + Bộ sản phẩm chăm sóc da tổn thương, wax lông, nguyên vật liệu, mỹ phẩm chăm sóc da.

#### **V. Phương pháp và nội dung đánh giá:**

1. Phương pháp đánh giá:

- Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm
- Phương pháp kiểm tra tự luận
- Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:

- + Hiểu được nguyên lý và cách chăm sóc body
- + Nắm được bệnh lý và đặc điểm của từng vùng cơ thể
- + Nắm được kiến thức chăm sóc body

- Kỹ năng:

- + Kỹ năng tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp
- + Kỹ năng chăm sóc khách hàng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên

+ Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:**

### **1. Phạm vi áp dụng mô đun:**

Mô đun được giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăm sóc sắc đẹp.

### **2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Đối với người học: Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

### **3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý**

- Hiểu được nguyên lý và cách chăm sóc body
- Nắm được bệnh lý và đặc điểm của từng vùng cơ thể
- Nắm được kiến thức chăm sóc body

### **5. Tài liệu tham khảo:**

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.
- Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.
- Giáo trình của Shisido Nhật Bản.